VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 03/2019/TT-BTNMT ngày 26 tháng 4 năm 2019 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Vĩnh Phúc

(Tiếp theo Công báo số 665 + 666)

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH VĨNH PHÚC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH VĨNH PHÚC

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cây Da	DC	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương	21° 19' 22"	105° 30' 45"					F-48-68-A-c
thôn Đoàn Kết	DC	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương	21° 20' 10"	105° 31' 59"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Ké	DC	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương	21° 19' 34"	105° 31' 22"					F-48-68-A-c
Thôn Gia	DC	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương	21° 19' 51"	105° 30' 55"					F-48-68-A-c
Thôn Lau	DC	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương	21° 19' 56"	105° 30' 43"					F-48-68-A-c
Thôn Lá	DC	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương	21° 19' 58"	105° 30' 57"					F-48-68-A-c
thôn Liên Kết	DC	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương	21° 19' 54"	105° 31' 31"					F-48-68-A-c
thôn Lực Điền	DC	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương	21° 19' 18"	105° 31' 43"					F-48-68-A-c
Thôn Mới	DC	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương	21° 19' 58"	105° 31' 16"					F-48-68-A-c
Thôn Thượng	DC	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương	21° 20' 06"	105° 31' 32"					F-48-68-A-c
Thôn Vỏ	DC	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương	21° 19' 43"	105° 31' 06"					F-48-68-A-c
thôn Vườn Chùa	DC	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương	21° 20' 05"	105° 30' 31"					F-48-68-A-c
chùa Đông Xuân	KX	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương	21° 20' 07"	105° 31' 31"					F-48-68-A-c
chùa Vân Hội	KX	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương	21° 19' 37"	105° 31' 08"					F-48-68-A-c
Cầu Vàng	KX	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương	21° 20' 03"	105° 30' 22"					F-48-68-A-c
Chùa Bún	KX	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương	21° 20' 16"	105° 31' 54"					F-48-68-A-c
đình Hoàng Chuế	KX	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương	21° 20' 12"	105° 30' 56"					F-48-68-A-c
Đình Đầm	KX	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương	21° 20' 07"	105° 31' 32"					F-48-68-A-c
Đình Vung	KX	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương	21° 20' 16"	105° 31' 55"					F-48-68-A-c
Đường tỉnh 305	KX	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương			21° 11' 57"	105° 34' 54"	21° 24' 54"	105° 27' 42"	F-48-68-A-c
Đầm Sổ	TV	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương	21° 19' 05"	105° 31' 02"					F-48-68-A-c
Sông Phan	TV	xã Hoàng Lâu	H. Tam Dương			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hưng Thịnh	DC	xã Hợp Thịnh	H. Tam Dương	21° 17' 27"	105° 32' 43"					F-48-68-A-c
thôn Lạc Thịnh	DC	xã Hợp Thịnh	H. Tam Dương	21° 16' 54"	105° 32' 45"					F-48-68-A-c
thôn Lê Lợi	DC	xã Hợp Thịnh	H. Tam Dương	21° 17' 43"	105° 32' 40"					F-48-68-A-c
thôn Quang Trung	DC	xã Hợp Thịnh	H. Tam Dương	21° 17' 33"	105° 32' 46"					F-48-68-A-c
thôn Tân Thịnh	DC	xã Hợp Thịnh	H. Tam Dương	21° 17' 55"	105° 32' 40"					F-48-68-A-c
thôn Thọ Khánh	DC	xã Hợp Thịnh	H. Tam Dương	21° 17' 37"	105° 32' 45"					F-48-68-A-c
đường Hợp Thịnh - Đạo Tú	KX	xã Hợp Thịnh	H. Tam Dương			21° 17' 12"	105° 32' 16"	21° 21' 34"	105° 33' 09"	F-48-68-A-c
Đường tránh thành phố Vĩnh Yên	KX	xã Hợp Thịnh	H. Tam Dương			21° 17' 08"	105° 37' 52"	21° 17' 06"	105° 31' 57"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 305	KX	xã Hợp Thịnh	H. Tam Dương			21° 11' 57"	105° 34' 54"	21° 24' 54"	105° 27' 42"	F-48-68-A-c
Quốc lộ 2	KX	xã Hợp Thịnh	H. Tam Dương			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-68-A-c
Sông Phan	TV	xã Hợp Thịnh	H. Tam Dương			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-c
thôn Bồ Yên	DC	xã Hướng Đạo	H. Tam Dương	21° 23' 39"	105° 33' 23"					F-48-68-A-a
thôn Cao Hảo	DC	xã Hướng Đạo	H. Tam Dương	21° 22' 58"	105° 33' 06"					F-48-68-A-a
Thôn Chùa	DC	xã Hướng Đạo	H. Tam Dương	21° 23' 03"	105° 34' 33"					F-48-68-A-a
thôn Cổng Sau	DC	xã Hướng Đạo	H. Tam Dương	21° 23' 46"	105° 33' 44"					F-48-68-A-a
thôn Dộc Lịch	DC	xã Hướng Đạo	H. Tam Dương	21° 23' 12"	105° 34' 20"					F-48-68-A-a
thôn Dộc Sau	DC	xã Hướng Đạo	H. Tam Dương	21° 23' 14"	105° 33' 06"					F-48-68-A-a
thôn Điền Trù	DC	xã Hướng Đạo	H. Tam Dương	21° 22' 20"	105° 35' 03"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Giếng Mát	DC	xã Hướng Đạo	H. Tam Dương	21° 23' 11"	105° 33' 37"					F-48-68-A-a
Thôn Mé	DC	xã Hướng Đạo	H. Tam Dương	21° 22' 39"	105° 34' 54"					F-48-68-A-a
Thôn Mới	DC	xã Hướng Đạo	H. Tam Dương	21° 22' 44"	105° 33' 58"					F-48-68-A-a
Thôn Quế	DC	xã Hướng Đạo	H. Tam Dương	21° 21' 43"	105° 34' 47"					F-48-68-A-c
thôn Phú Cường	DC	xã Hướng Đạo	H. Tam Dương	21° 22' 17"	105° 34' 13"					F-48-68-A-c
Thôn Thông	DC	xã Hướng Đạo	H. Tam Dương	21° 23' 11"	105° 32' 53"					F-48-68-A-a
thôn Trại Gà	DC	xã Hướng Đạo	H. Tam Dương	21° 23' 27"	105° 33' 14"					F-48-68-A-a
thôn Yên Sơn	DC	xã Hướng Đạo	H. Tam Dương	21° 22' 51"	105° 33' 42"					F-48-68-A-a
cầu Hướng Đạo	KX	xã Hướng Đạo	H. Tam Dương	21° 23' 37"	105° 33' 15"					F-48-68-A-a
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	xã Hướng Đạo	H. Tam Dương			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 309	KX	xã Hướng Đạo	H. Tam Dương			21° 16' 44"	105° 30' 09"	21° 25' 48"	105° 35' 11"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 309B	KX	xã Hướng Đạo	H. Tam Dương			21° 23' 38"	105° 33' 14"	21° 22' 22"	105° 36' 23"	F-48-68-A-a
Thôn 6	DC	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 21' 43"	105° 36' 32"					F-48-68-A-c
Thôn 7	DC	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 21' 56"	105° 36' 35"					F-48-68-A-c
Thôn Chợ	DC	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 22' 51"	105° 35' 34"					F-48-68-A-a
Thôn Đồn	DC	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 22' 36"	105° 36' 05"					F-48-68-A-a
thôn Đồng Ăng	DC	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 22' 51"	105° 35' 50"					F-48-68-A-a
thôn Đồng Bắc	DC	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 22' 28"	105° 35' 44"					F-48-68-A-c
thôn Đồng Bông	DC	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 23' 00"	105° 35' 10"					F-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Mận	DC	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 21' 42"	105° 36' 51"					F-48-68-A-c
thôn Đồng Tâm	DC	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 23' 41"	105° 34' 55"					F-48-68-A-a
thôn Đồng Vang	DC	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 23' 21"	105° 35' 22"					F-48-68-A-a
Thôn Gô	DC	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 21' 46"	105° 35' 44"					F-48-68-A-c
Thôn Láng	DC	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 22' 07"	105° 35' 52"					F-48-68-A-c
thôn Hợp Minh	DC	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 21' 35"	105° 35' 21"					F-48-68-A-c
thôn Hữu Thủ 1	DC	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 21' 20"	105° 36' 07"					F-48-68-A-c
thôn Hữu Thủ 2	DC	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 21' 03"	105° 36' 07"					F-48-68-A-c
thôn Ninh Hà	DC	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 23' 21"	105° 34' 37"					F-48-68-A-a
thôn Số Tám	DC	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 22' 17"	105° 36' 30"					F-48-68-A-c
thôn Sơn Đồng	DC	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 23' 57"	105° 34' 52"					F-48-68-A-a
cầu Km 6	KX	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 21' 35"	105° 36' 31"					F-48-68-A-c
cầu Km 8	KX	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 22' 26"	105° 36' 22"					F-48-68-A-c
Chùa Thông	KX	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 21' 13"	105° 35' 57"					F-48-68-A-c
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	KX	xã Kim Long	H. Tam Dương			21° 15' 27"	105° 43' 22"	21° 22' 05"	105° 23' 24"	F-48-68-A-a F-48-68-A-c
đường Hợp Châu - Đồng Tĩnh	KX	xã Kim Long	H. Tam Dương			21° 22' 45"	105° 36' 28"	21° 26' 13"	105° 31' 40"	F-48-68-A-a F-48-68-A-c
Đường tỉnh 309	KX	xã Kim Long	H. Tam Dương			21° 16' 44"	105° 30' 09"	21° 25' 48"	105° 35' 11"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 309B	KX	xã Kim Long	H. Tam Dương			21° 23' 38"	105° 33' 14"	21° 22' 22"	105° 36' 23"	F-48-68-A-a F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 310	KX	xã Kim Long	H. Tam Dương			21° 19' 41"	105° 42' 09"	21° 21' 17"	105° 33' 27"	F-48-68-A-c F-48-68-A-d
Quốc lộ 2B	KX	xã Kim Long	H. Tam Dương			21° 18' 52"	105° 35' 41"	21° 27' 20"	105° 38' 31"	F-48-68-A-a F-48-68-A-c
Trung tâm Chữa bệnh Giáo dục Lao động Xã hội	KX	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 21' 25"	105° 35' 39"					F-48-68-A-c
Trường sĩ quan Tăng Thiết Giáp	KX	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 21' 30"	105° 36' 44"					F-48-68-A-c
Núi Đanh	SV	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 20' 56"	105° 36' 44"					F-48-68-A-c
hồ Đồng Bông	TV	xã Kim Long	H. Tam Dương	21° 22' 59"	105° 35' 28"					F-48-68-A-a F-48-68-A-c
Thôn 12	DC	xã Thanh Vân	H. Tam Dương	21° 19' 40"	105° 33' 45"					F-48-68-A-c
thôn Cộng Hòa	DC	xã Thanh Vân	H. Tam Dương	21° 19' 22"	105° 33' 51"					F-48-68-A-c
Thôn Đình	DC	xã Thanh Vân	H. Tam Dương	21° 20' 38"	105° 33' 52"					F-48-68-A-c
Thôn Giềng	DC	xã Thanh Vân	H. Tam Dương	21° 20' 44"	105° 34' 38"					F-48-68-A-c
Thôn Mới	DC	xã Thanh Vân	H. Tam Dương	21° 20' 21"	105° 35' 06"					F-48-68-A-c
thôn Nhân Mỹ	DC	xã Thanh Vân	H. Tam Dương	21° 19' 56"	105° 33' 56"					F-48-68-A-c
thôn Phúc Lai	DC	xã Thanh Vân	H. Tam Dương	21° 19' 50"	105° 33' 19"					F-48-68-A-c
thôn Phú Ninh	DC	xã Thanh Vân	H. Tam Dương	21° 20' 14"	105° 34' 23"					F-48-68-A-c
thôn Phú Thị	DC	xã Thanh Vân	H. Tam Dương	21° 20' 16"	105° 34' 01"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Trại	DC	xã Thanh Vân	H. Tam Dương	21° 20' 44"	105° 34' 06"					F-48-68-A-c
thôn Viên Du	DC	xã Thanh Vân	H. Tam Dương	21° 19' 33"	105° 33' 44"					F-48-68-A-c
thôn Xuân Trường	DC	xã Thanh Vân	H. Tam Dương	21° 20' 38"	105° 35' 08"					F-48-68-A-c
Quốc lộ 2C	KX	xã Thanh Vân	H. Tam Dương			21° 09' 53"	105° 29' 02"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	F-48-68-A-c
kênh Bến Tre	TV	xã Thanh Vân	H. Tam Dương			21° 18' 16"	105° 34' 44"	21° 21' 47"	105° 32' 09"	F-48-68-A-c
thôn Chấn Yên	DC	xã Vân Hội	H. Tam Dương	21° 18' 47"	105° 33' 34"					F-48-68-A-c
thôn Vân Giữa	DC	xã Vân Hội	H. Tam Dương	21° 18' 22"	105° 32' 39"					F-48-68-A-c
thôn Vân Hội	DC	xã Vân Hội	H. Tam Dương	21° 18' 31"	105° 32' 39"					F-48-68-A-c
thôn Vân Nội	DC	xã Vân Hội	H. Tam Dương	21° 18' 23"	105° 33' 02"					F-48-68-A-c
thôn Vân Sau	DC	xã Vân Hội	H. Tam Dương	21° 18' 35"	105° 32' 42"					F-48-68-A-c
thôn Vân Tập	DC	xã Vân Hội	H. Tam Dương	21° 18' 58"	105° 32' 24"					F-48-68-A-c
Xóm Dưới	DC	xã Vân Hội	H. Tam Dương	21° 18' 32"	105° 33' 33"					F-48-68-A-c
cầu Vân Tập	KX	xã Vân Hội	H. Tam Dương	21° 19' 00"	105° 32' 23"					F-48-68-A-c
đường Hợp Thịnh - Đạo Tú	KX	xã Vân Hội	H. Tam Dương			21° 17' 12"	105° 32' 16"	21° 21' 34"	105° 33' 09"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 305	KX	xã Vân Hội	H. Tam Dương			21° 11' 57"	105° 34' 54"	21° 24' 54"	105° 27' 42"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 306	KX	xã Vân Hội	H. Tam Dương			21° 18' 30"	105° 33' 05"	21° 21' 00"	105° 24' 22"	F-48-68-A-c
Kênh 2	TV	xã Vân Hội	H. Tam Dương			21° 19' 31"	105° 32' 30"	21° 13' 37"	105° 33' 50"	F-48-68-A-c
kênh chính Tả Ngạn	TV	xã Vân Hội	H. Tam Dương			21° 26' 32"	105° 31' 56"	21° 15' 38"	105° 38' 09"	F-48-68-A-c
Tổ dân phố 1	DC	TT. Tam Đảo	H. Tam Đảo	21° 27' 27"	105° 38' 42"					F-48-68-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Tổ dân phố 2	DC	TT. Tam Đảo	H. Tam Đảo	21° 27' 17"	105° 38' 15"					F-48-68-A-b
đền Bà Chúa	KX	TT. Tam Đảo	H. Tam Đảo	21° 27' 37"	105° 38' 42"					F-48-68-A-b
đền Đức Thánh Trần	KX	TT. Tam Đảo	H. Tam Đảo	21° 27' 15"	105° 38' 02"					F-48-68-A-b
đền mẫu Tam Đảo	KX	TT. Tam Đảo	H. Tam Đảo	21° 27' 18"	105° 38' 23"					F-48-68-A-b
nhà thờ Tam Đảo	KX	TT. Tam Đảo	H. Tam Đảo	21° 27' 24"	105° 38' 30"					F-48-68-A-b
Quốc lộ 2B	KX	TT. Tam Đảo	H. Tam Đảo			21° 18' 52"	105° 35' 41"	21° 27' 20"	105° 38' 31"	F-48-68-A-b
tháp truyền hình Tam Đảo	KX	TT. Tam Đảo	H. Tam Đảo	21° 27' 53"	105° 38' 40"					F-48-68-A-b
đồi Toàn Quyền	SV	TT. Tam Đảo	H. Tam Đảo	21° 27' 10"	105° 38' 35"					F-48-68-A-b
Suối Mơ	TV	TT. Tam Đảo	H. Tam Đảo			21° 27' 28"	105° 38' 47"	21° 25' 12"	105° 37' 21"	F-48-68-A-b
Thác Bạc	TV	TT. Tam Đảo	H. Tam Đảo	21° 27' 15"	105° 38' 31"					F-48-68-A-b
thôn Bồ Ngoài	DC	xã Bồ Lý	H. Tam Đảo	21° 28' 02"	105° 31' 35"					F-48-68-A-a
thôn Bồ Trong	DC	xã Bồ Lý	H. Tam Đảo	21° 28' 12"	105° 32' 08"					F-48-68-A-a
thôn Cầu Chang	DC	xã Bồ Lý	H. Tam Đảo	21° 28' 25"	105° 31' 29"					F-48-68-A-a
thôn Chùa Bồi	DC	xã Bồ Lý	H. Tam Đảo	21° 27' 27"	105° 32' 07"					F-48-68-A-a
thôn Đồng Bụt	DC	xã Bồ Lý	H. Tam Đảo	21° 28' 07"	105° 32' 32"					F-48-68-A-a
thôn Đồng Cà	DC	xã Bồ Lý	H. Tam Đảo	21° 29' 06"	105° 31' 51"					F-48-68-A-a
thôn Nghĩa Lý	DC	xã Bồ Lý	H. Tam Đảo	21° 28' 44"	105° 31' 42"					F-48-68-A-a
thôn Ngọc Thụ	DC	xã Bồ Lý	H. Tam Đảo	21° 27' 32"	105° 32' 53"					F-48-68-A-a
thôn Tân Lập	DC	xã Bồ Lý	H. Tam Đảo	21° 28' 37"	105° 32' 13"					F-48-68-A-a
thôn Tây Sơn	DC	xã Bồ Lý	H. Tam Đảo	21° 29' 28"	105° 31' 41"					F-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trại Mái	DC	xã Bồ Lý	H. Tam Đảo	21° 27' 49"	105° 32' 46"					F-48-68-A-a
thôn Yên Hòa	DC	xã Bồ Lý	H. Tam Đảo	21° 28' 51"	105° 31' 16"					F-48-68-A-a
Cầu Chang	KX	xã Bồ Lý	H. Tam Đảo	21° 28' 24"	105° 31' 11"					F-48-68-A-a
cầu Yên Dương	KX	xã Bồ Lý	H. Tam Đảo	21° 28' 40"	105° 31' 23"					F-48-68-A-a
đền Bồ Lý	KX	xã Bồ Lý	H. Tam Đảo	21° 28' 28"	105° 32' 42"					F-48-68-A-a
đình Bồ Lý	KX	xã Bồ Lý	H. Tam Đảo	21° 28' 36"	105° 31' 58"					F-48-68-A-a
Đường tỉnh 302	KX	xã Bồ Lý	H. Tam Đảo			21° 16' 44"	105° 38' 43"	21° 28' 23"	105° 31' 07"	F-48-68-A-a
Núi Ngang	SV	xã Bồ Lý	H. Tam Đảo	21° 28' 14"	105° 32' 50"					F-48-68-A-a
sông Phó Đáy	TV	xã Bồ Lý	H. Tam Đảo			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	F-48-68-A-a
suối Vực Chuông	TV	xã Bồ Lý	H. Tam Đảo			21° 31' 15"	105° 36' 18"	21° 28' 30"	105° 31' 12"	F-48-68-A-a
thôn Ấp Đồn	DC	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 26' 59"	105° 34' 16"					F-48-68-A-a
thôn Đại Điền	DC	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 26' 08"	105° 33' 10"					F-48-68-A-a
thôn Đền Thỏng	DC	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 27' 49"	105° 34' 45"					F-48-68-A-a
thôn Đồng Hội	DC	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 26' 53"	105° 35' 28"					F-48-68-A-a
thôn Đồng Lính	DC	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 27' 57"	105° 33' 23"					F-48-68-A-a
thôn Đông Lộ	DC	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 26' 57"	105° 34' 46"					F-48-68-A-a
thôn Giáp Giang	DC	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 26' 53"	105° 35' 02"					F-48-68-A-a
thôn Hữu Tài	DC	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 26' 34"	105° 33' 11"					F-48-68-A-a
thôn Lán Than	DC	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 26' 59"	105° 32' 56"					F-48-68-A-a
thôn Lõng Sâu	DC	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 27' 19"	105° 35' 07"					F-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sơn Đình	DC	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 27' 38"	105° 34' 00"					F-48-68-A-a
thôn Sơn Phong	DC	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 27' 00"	105° 33' 49"					F-48-68-A-a
thôn Sơn Thanh	DC	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 27' 09"	105° 33' 26"					F-48-68-A-a
thôn Suối Đùm	DC	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 26' 58"	105° 32' 25"					F-48-68-A-a
thôn Trại Mới	DC	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 26' 57"	105° 34' 00"					F-48-68-A-a
chùa Phù Nghì	KX	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 28' 35"	105° 36' 39"					F-48-68-A-a
chùa Tây Thiên	KX	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 28' 56"	105° 36' 41"					F-48-68-A-a
Chùa Báng	KX	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 27' 07"	105° 36' 00"					F-48-68-A-a
Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Tây Thiên - Tam Đảo	KX	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 27' 57"	105° 34' 36"					F-48-68-A-a
Đại bảo tháp Mandala Tây Thiên	KX	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 28' 05"	105° 34' 26"					F-48-68-A-a
Đền Cậu	KX	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 28' 15"	105° 35' 25"					F-48-68-A-a
Đền Cô	KX	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 28' 37"	105° 36' 20"					F-48-68-A-a
Đền Thỏng	KX	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 28' 00"	105° 34' 42"					F-48-68-A-a
Đường tỉnh 302	KX	xã Đại Đình	H. Tam Đảo			21° 16' 44"	105° 38' 43"	21° 28' 23"	105° 31' 07"	F-48-68-A-a
Thiền viện Trúc lâm An Tâm	KX	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 27' 47"	105° 34' 59"					F-48-68-A-a
Thiền viện Trúc lâm Tây Thiên	KX	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 28' 02"	105° 35' 03"					F-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Vườn quốc gia Tam Đảo	KX	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 26' 42"	105° 39' 18"					F-48-68-A-a F-48-68-A-b
Núi Ngang	SV	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 28' 14"	105° 32' 50"					F-48-68-A-a
sông Phó Đáy	TV	xã Đại Đình	H. Tam Đảo			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	F-48-68-A-a
suối Đình Cả	TV	xã Đại Đình	H. Tam Đảo			21° 28' 12"	105° 38' 15"	21° 26' 44"	105° 31' 57"	F-48-68-A-a
suối Đồng Thỏng	TV	xã Đại Đình	H. Tam Đảo			21° 28' 56"	105° 37' 23"	21° 26' 40"	105° 34' 29"	F-48-68-A-a
Thác Bạc	TV	xã Đại Đình	H. Tam Đảo	21° 28' 45"	105° 36' 07"					F-48-68-A-a
thôn Đạo Trù Hạ	DC	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo	21° 29' 49"	105° 32' 40"					F-48-68-A-a
thôn Đạo Trù Thượng	DC	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo	21° 29' 48"	105° 33' 17"					F-48-68-A-a
thôn Đồng Giếng	DC	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo	21° 29' 23"	105° 33' 18"					F-48-68-A-a
thôn Đồng Quạ	DC	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo	21° 31' 25"	105° 30' 14"					C-48-56-C-c
thôn Lục Liễu	DC	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo	21° 29' 04"	105° 32' 54"					F-48-68-A-a
thôn Phân Lân Hạ	DC	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo	21° 30' 23"	105° 32' 01"					C-48-56-C-c
thôn Phân Lân Thượng	DC	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo	21° 30' 44"	105° 31' 58"					C-48-56-C-c
thôn Tân Lập	DC	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo	21° 29' 25"	105° 32' 53"					F-48-68-A-a
thôn Tân Phú	DC	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo	21° 29' 38"	105° 32' 12"					F-48-68-A-a
thôn Tân Tiến	DC	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo	21° 29' 58"	105° 31' 44"					F-48-68-A-a
thôn Tiên Long	DC	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo	21° 29' 31"	105° 32' 42"					F-48-68-A-a
thôn Vĩnh Ninh	DC	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo	21° 31' 21"	105° 30' 59"					C-48-56-C-c
thôn Xóm Gò	DC	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo	21° 30' 17"	105° 32' 32"					C-48-56-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 302	KX	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo			21° 16' 44"	105° 38' 43"	21° 28' 23"	105° 31' 07"	F-48-68-A-a
trại giam Vĩnh Quang	KX	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo	21° 30' 42"	105° 31' 18"					C-48-56-C-c
trại giam Vĩnh Quang B	KX	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo	21° 31' 39"	105° 31' 18"					C-48-56-C-c
Núi Ngang (phía Bắc)	SV	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo	21° 30' 28"	105° 30' 44"					C-48-56-C-c
Núi Ngang (phía Nam)	SV	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo	21° 28' 14"	105° 32' 50"					C-48-56-C-c
hồ Vĩnh Thành	TV	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo	21° 31' 58"	105° 31' 18"					C-48-56-C-c
kênh chính Hồ Vĩnh Thành	TV	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo			21° 31' 50"	105° 31' 13"	21° 31' 09"	105° 29' 53"	C-48-56-C-c C-48-55-D-d
Ngòi Lanh	TV	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo			21° 34' 05"	105° 32' 30"	21° 32' 11"	105° 31' 40"	C-48-56-C-c
sông Phó Đáy	TV	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	C-48-55-D-d
suối Vực Chuông	TV	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo			21° 31' 15"	105° 36' 18"	21° 28' 30"	105° 31' 12"	C-48-56-C-c F-48-68-A-a
Suối On	TV	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo			21° 32' 22"	105° 34' 51"	21° 32' 36"	105° 32' 10"	C-48-56-C-c
Suối Tói	TV	xã Đạo Trù	H. Tam Đảo			21° 31' 58"	105° 30' 21"	21° 31' 36"	105° 29' 49"	C-48-56-D-d C-48-56-C-c
thôn Cầu Tre	DC	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo	21° 24' 40"	105° 36' 14"					F-48-68-A-a
thôn Đồng Bả	DC	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo	21° 25' 00"	105° 36' 43"					F-48-68-A-a
thôn Đồng Thanh	DC	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo	21° 24' 54"	105° 36' 13"					F-48-68-A-a
thôn Làng Hà	DC	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo	21° 25' 31"	105° 36' 24"					F-48-68-A-a
thôn Núc Hạ	DC	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo	21° 24' 16"	105° 36' 39"					F-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Núc Thượng	DC	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo	21° 25' 21"	105° 35' 51"					F-48-68-A-a
thôn Sơn Đồng	DC	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo	21° 24' 05"	105° 35' 53"					F-48-68-A-a
thôn Tân Long	DC	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo	21° 24' 57"	105° 37' 11"					F-48-68-A-a
cầu Chân Suối	KX	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo	21° 25' 02"	105° 37' 13"					F-48-68-A-a
Cầu Nhội	KX	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo	21° 24' 23"	105° 36' 27"					F-48-68-A-a
Cầu Tre	KX	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo	21° 24' 44"	105° 36' 09"					F-48-68-A-a
Chùa Vân	KX	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo	21° 25' 53"	105° 36' 55"					F-48-68-A-a
đền Chân Suối	KX	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo	21° 25' 00"	105° 37' 11"					F-48-68-A-a
Đền Cậu	KX	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo	21° 25' 53"	105° 36' 57"					F-48-68-A-a
Đền Cô	KX	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo	21° 26' 42"	105° 37' 02"					F-48-68-A-a
Đường tỉnh 302	KX	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo			21° 16' 44"	105° 38' 43"	21° 28' 23"	105° 31' 07"	F-48-68-A-a
Nhà máy hóa chất 95	KX	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo	21° 24' 18"	105° 37' 18"					F-48-68-A-a
Quốc lộ 2B	KX	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo			21° 18' 52"	105° 35' 41"	21° 27' 20"	105° 38' 31"	F-48-68-A-a F-48-68-A-b
sân gôn Tam Đảo	KX	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo	21° 24' 30"	105° 37' 29"					F-48-68-A-a F-48-68-A-b
Vườn quốc gia Tam Đảo	KX	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo	21° 26' 42"	105° 39' 18"					F-48-68-A-a F-48-68-A-b
hồ Làng Hà	TV	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo	21° 25' 20"	105° 36' 50"					F-48-68-A-a
hồ Vai Lửa	TV	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo	21° 24' 28"	105° 35' 56"					F-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh chính Hồ Làng Hà	TV	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo			21° 25' 40"	105° 36' 37"	21° 24' 58"	105° 35' 19"	F-48-68-A-a
Suối Mơ	TV	xã Hồ Sơn	H. Tam Đảo			21° 27' 28"	105° 38' 47"	21° 25' 12"	105° 37' 21"	F-48-68-A-b
thôn Ao Mây	DC	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 23' 41"	105° 35' 50"					F-48-68-A-a
thôn Bảo Ninh	DC	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 23' 05"	105° 36' 51"					F-48-68-A-a
thôn Bảo Phác	DC	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 22' 49"	105° 36' 54"					F-48-68-A-a
thôn Bảo Thắng	DC	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 23' 06"	105° 36' 59"					F-48-68-A-a
thôn Chăm Chỉ	DC	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 23' 32"	105° 37' 08"					F-48-68-A-a
thôn Cửu Yên 1	DC	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 23' 45"	105° 36' 23"					F-48-68-A-a
thôn Cửu Yên 2	DC	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 23' 36"	105° 36' 17"					F-48-68-A-a
thôn Đồi Cao	DC	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 23' 29"	105° 36' 37"					F-48-68-A-a
thôn Đồi Thông	DC	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 23' 19"	105° 36' 28"					F-48-68-A-a
thôn Hợp Thành	DC	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 22' 34"	105° 36' 15"					F-48-68-A-a
thôn Nga Hoàng	DC	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 23' 23"	105° 37' 01"					F-48-68-A-a
thôn Sơn Long	DC	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 24' 00"	105° 37' 13"					F-48-68-A-a
thôn Tích Cực	DC	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 23' 56"	105° 37' 02"					F-48-68-A-a
thôn Yên Trung	DC	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 23' 03"	105° 36' 17"					F-48-68-A-a
cầu Bảo Phác	KX	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 22' 31"	105° 36' 47"					F-48-68-A-a
cầu Km 8	KX	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 22' 26"	105° 36' 22"					F-48-68-A-c
cầu Số 8	KX	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 22' 27"	105° 36' 15"					F-48-68-A-c
cầu Yên Trung	KX	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 22' 50"	105° 36' 15"					F-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Nga Hoàng	KX	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 23' 23"	105° 37' 12"					F-48-68-A-a
đình Cửu Yên	KX	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 23' 36"	105° 36' 11"					F-48-68-A-a
đường Hợp Châu - Đồng Tĩnh	KX	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo			21° 22' 45"	105° 36' 28"	21° 26' 13"	105° 31' 40"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 302	KX	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo			21° 16' 44"	105° 38' 43"	21° 28' 23"	105° 31' 07"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 310	KX	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo			21° 19' 41"	105° 42' 09"	21° 21' 17"	105° 33' 27"	F-48-68-A-c
Nhà máy hóa chất 95	KX	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 24' 18"	105° 37' 18"					F-48-68-A-a
Quốc lộ 2B	KX	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo			21° 18' 52"	105° 35' 41"	21° 27' 20"	105° 38' 31"	F-48-68-A-a F-48-68-A-c
sân gôn Tam Đảo	KX	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 24' 30"	105° 37' 29"					F-48-68-A-a F-48-68-A-b
núi Con Trâu	SV	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo	21° 25' 05"	105° 38' 01"					F-48-68-A-b
kênh chính Hồ Xạ Hương	TV	xã Hợp Châu	H. Tam Đảo			21° 24' 23"	105° 38' 09"	21° 22' 34"	105° 36' 24"	F-48-68-A-a F-48-68-A-b
thôn Bàn Long	DC	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 22' 45"	105° 38' 59"					F-48-68-A-b
thôn Cam Lâm	DC	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 22' 11"	105° 38' 31"					F-48-68-A-d
thôn Cam Lâm Đồn	DC	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 21' 36"	105° 38' 28"					F-48-68-A-d
thôn Cây Thông	DC	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 23' 18"	105° 37' 31"					F-48-68-A-b
thôn Chùa Vàng	DC	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 22' 15"	105° 37' 54"					F-48-68-A-d
thôn Đầu Vai	DC	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 23' 07"	105° 38' 03"					F-48-68-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đông Thứ	DC	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 22' 09"	105° 39' 34"					F-48-68-A-d
thôn Lưu Quang	DC	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 22' 41"	105° 37' 56"					F-48-68-A-b
thôn Minh Hồng	DC	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 21' 51"	105° 38' 01"					F-48-68-A-d
thôn Minh Tân	DC	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 22' 57"	105° 38' 18"					F-48-68-A-b
thôn Phô Cóc	DC	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 23' 44"	105° 38' 06"					F-48-68-A-b
thôn Quang Minh	DC	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 22' 46"	105° 38' 07"					F-48-68-A-b
thôn Quang Sơn	DC	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 20' 58"	105° 39' 05"					F-48-68-A-d
thôn Tân Lương	DC	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 21' 18"	105° 38' 17"					F-48-68-A-d
thôn Trại Khóng	DC	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 21' 27"	105° 38' 45"					F-48-68-A-d
thôn Trung Hòa	DC	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 20' 58"	105° 39' 17"					F-48-68-A-d
thôn Vực Lựu	DC	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 23' 25"	105° 37' 53"					F-48-68-A-b
thôn Xạ Hương	DC	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 23' 42"	105° 37' 51"					F-48-68-A-b
thôn Yên Bình	DC	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 21' 29"	105° 38' 57"					F-48-68-A-d
Đường tỉnh 302	KX	xã Minh Quang	H. Tam Đảo			21° 16' 44"	105° 38' 43"	21° 28' 23"	105° 31' 07"	F-48-68-A-b F-48-68-A-d
Vườn quốc gia Tam Đảo	KX	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 26' 42"	105° 39' 18"					F-48-68-A-a F-48-68-A-b
núi Chợ Giời	SV	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 23' 06"	105° 40' 02"					F-48-68-A-b
núi Con Trâu	SV	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 24' 00"	105° 38' 43"					F-48-68-A-b
hồ Bản Long	TV	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 23' 12"	105° 39' 28"					F-48-68-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Xạ Hương	TV	xã Minh Quang	H. Tam Đảo	21° 24' 36"	105° 38' 46"					F-48-68-A-b
kênh chính Hồ Xạ Hương	TV	xã Minh Quang	H. Tam Đảo			21° 24' 23"	105° 38' 09"	21° 22' 34"	105° 36' 24"	F-48-68-A-a F-48-68-A-b
suối Bàn Long	TV	xã Minh Quang	H. Tam Đảo			21° 25' 58"	105° 41' 00"	21° 21' 46"	105° 38' 52"	F-48-68-A-b F-48-68-A-d
suối Xạ Hương	TV	xã Minh Quang	H. Tam Đảo			21° 24' 16"	105° 38' 11"	21° 20' 54"	105° 39' 10"	F-48-68-A-b F-48-68-A-d
khu phố Chợ	DC	xã Tam Quan	H. Tam Đảo	21° 25' 15"	105° 34' 35"					F-48-68-A-a
thôn Đồng Bùa	DC	xã Tam Quan	H. Tam Đảo	21° 26' 26"	105° 35' 52"					F-48-68-A-a
thôn Kiên Tháp	DC	xã Tam Quan	H. Tam Đảo	21° 25' 17"	105° 33' 48"					F-48-68-A-a
thôn Kiên Tràng	DC	xã Tam Quan	H. Tam Đảo	21° 24' 42"	105° 34' 10"					F-48-68-A-a
thôn Làng Chanh	DC	xã Tam Quan	H. Tam Đảo	21° 25' 40"	105° 34' 13"					F-48-68-A-a
thôn Làng Mạ	DC	xã Tam Quan	H. Tam Đảo	21° 25' 45"	105° 35' 54"					F-48-68-A-a
thôn Làng Mấu	DC	xã Tam Quan	H. Tam Đảo	21° 25' 23"	105° 35' 22"					F-48-68-A-a
thôn Nhân Lý	DC	xã Tam Quan	H. Tam Đảo	21° 26' 12"	105° 34' 53"					F-48-68-A-a
thôn Quan Đình	DC	xã Tam Quan	H. Tam Đảo	21° 24' 51"	105° 35' 33"					F-48-68-A-a
thôn Quan Ngoại	DC	xã Tam Quan	H. Tam Đảo	21° 24' 59"	105° 34' 35"					F-48-68-A-a
thôn Quan Nội	DC	xã Tam Quan	H. Tam Đảo	21° 25' 44"	105° 34' 44"					F-48-68-A-a
Thôn Quãng	DC	xã Tam Quan	H. Tam Đảo	21° 25' 48"	105° 34' 33"					F-48-68-A-a
thôn Yên Chung	DC	xã Tam Quan	H. Tam Đảo	21° 26' 15"	105° 34' 03"					F-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Chùa Meo	KX	xã Tam Quan	H. Tam Đảo	21° 26' 20"	105° 34' 45"					F-48-68-A-a
đình Làng Mạ	KX	xã Tam Quan	H. Tam Đảo	21° 24' 56"	105° 34' 58"					F-48-68-A-a
đình Xuân Mẫu	KX	xã Tam Quan	H. Tam Đảo	21° 25' 28"	105° 35' 37"					F-48-68-A-a
đường Hợp Châu - Đồng Tĩnh	KX	xã Tam Quan	H. Tam Đảo			21° 22' 45"	105° 36' 28"	21° 26' 13"	105° 31' 40"	F-48-68-A-a
Đền Trình	KX	xã Tam Quan	H. Tam Đảo	21° 26' 29"	105° 34' 17"					F-48-68-A-a
Đường tỉnh 302	KX	xã Tam Quan	H. Tam Đảo			21° 16' 44"	105° 38' 43"	21° 28' 23"	105° 31' 07"	F-48-68-A-a
Đường tỉnh 309	KX	xã Tam Quan	H. Tam Đảo			21° 16' 44"	105° 30' 09"	21° 25' 48"	105° 35' 11"	F-48-68-A-a
Vườn quốc gia Tam Đảo	KX	xã Tam Quan	H. Tam Đảo	21° 26' 42"	105° 39' 18"					F-48-68-A-a F-48-68-A-b
hồ Đồng Bùa	TV	xã Tam Quan	H. Tam Đảo	21° 26' 05"	105° 35' 38"					F-48-68-A-a
kênh chính Hồ Làng Hà	TV	xã Tam Quan	H. Tam Đảo			21° 25' 40"	105° 36' 37"	21° 24' 58"	105° 35' 19"	F-48-68-A-a
suối Đình Cả	TV	xã Tam Quan	H. Tam Đảo			21° 28' 12"	105° 38' 15"	21° 26' 44"	105° 31' 57"	F-48-68-A-a F-48-68-A-b
thôn Đồng Cà	DC	xã Yên Dương	H. Tam Đảo	21° 29' 45"	105° 31' 27"					F-48-68-A-a
thôn Đồng Mới	DC	xã Yên Dương	H. Tam Đảo	21° 30' 38"	105° 29' 43"					C-48-55-D-d
thôn Đồng Ơn	DC	xã Yên Dương	H. Tam Đảo	21° 30' 22"	105° 30' 18"					C-48-56-C-c
thôn Đồng Pheo	DC	xã Yên Dương	H. Tam Đảo	21° 29' 55"	105° 30' 29"					F-48-68-A-a
thôn Đồng Quán	DC	xã Yên Dương	H. Tam Đảo	21° 30' 20"	105° 29' 42"					C-48-55-D-d
thôn Đồng Thành	DC	xã Yên Dương	H. Tam Đảo	21° 29' 58"	105° 29' 56"					F-48-67-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Quang Đạo	DC	xã Yên Dương	H. Tam Đảo	21° 29' 42"	105° 30' 53"					F-48-68-A-a
thôn Yên Phú	DC	xã Yên Dương	H. Tam Đảo	21° 29' 08"	105° 31' 11"					F-48-68-A-a
Núi Ngang	SV	xã Yên Dương	H. Tam Đảo	21° 30' 28"	105° 30' 44"					C-48-56-C-c
hồ San Kéng	TV	xã Yên Dương	H. Tam Đảo	21° 29' 58"	105° 31' 09"					F-48-68-A-a
kênh chính Hồ Vĩnh Thành	TV	xã Yên Dương	H. Tam Đảo			21° 31' 50"	105° 31' 13"	21° 31' 09"	105° 29' 53"	C-48-56-C-c C-48-55-D-d
sông Phó Đáy	TV	xã Yên Dương	H. Tam Đảo			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	C-48-55-D-d F-48-67-B-b
suối Vực Chuông	TV	xã Yên Dương	H. Tam Đảo			21° 31' 15"	105° 36' 18"	21° 28' 30"	105° 31' 12"	C-48-56-C-c F-48-68-A-a
thôn Bắc Cường	DC	TT. Thổ Tang	H. Vĩnh Tường	21° 15' 31"	105° 29' 13"					F-48-67-B-d
thôn Đông Cả	DC	TT. Thổ Tang	H. Vĩnh Tường	21° 15' 23"	105° 29' 23"					F-48-67-B-d
thôn Lá Sen	DC	TT. Thổ Tang	H. Vĩnh Tường	21° 15' 31"	105° 29' 26"					F-48-67-B-d
thôn Nam Cường	DC	TT. Thổ Tang	H. Vĩnh Tường	21° 15' 21"	105° 29' 06"					F-48-67-B-d
thôn Phương Viên	DC	TT. Thổ Tang	H. Vĩnh Tường	21° 15' 13"	105° 29' 23"					F-48-67-B-d
thôn Trúc Lâm	DC	TT. Thổ Tang	H. Vĩnh Tường	21° 15' 28"	105° 28' 58"					F-48-67-B-d
chùa Tùng Vân	KX	TT. Thổ Tang	H. Vĩnh Tường	21° 15' 23"	105° 29' 15"					F-48-67-B-d
Cầu Hương	KX	TT. Thổ Tang	H. Vĩnh Tường	21° 15' 00"	105° 29' 14"					F-48-67-D-b
đình Phương Viên	KX	TT. Thổ Tang	H. Vĩnh Tường	21° 15' 10"	105° 29' 17"					F-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Thổ Tang	KX	TT. Thổ Tang	H. Vĩnh Tường	21° 15' 20"	105° 29' 16"					F-48-67-B-d
Đường tỉnh 304	KX	TT. Thổ Tang	H. Vĩnh Tường			21° 16' 46"	105° 28' 59"	21° 14' 16"	105° 34' 13"	F-48-67-B-d F-48-67-D-b
miếu Trúc Lâm	KX	TT. Thổ Tang	H. Vĩnh Tường	21° 15' 25"	105° 28' 52"					F-48-67-B-d
Sông Phan	TV	TT. Thổ Tang	H. Vĩnh Tường			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-67-B-d F-48-67-D-b
thôn Am Thượng	DC	TT. Tứ Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 12' 26"	105° 31' 15"					F-48-68-C-a
thôn Dầu Miếu	DC	TT. Tứ Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 12' 08"	105° 31' 34"					F-48-68-C-a
Thôn Giai	DC	TT. Tứ Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 12' 18"	105° 31' 24"					F-48-68-C-a
Thôn Hạ	DC	TT. Tứ Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 12' 23"	105° 31' 20"					F-48-68-C-a
Thôn Lấp	DC	TT. Tứ Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 12' 07"	105° 31' 39"					F-48-68-C-a
Thôn Lửng	DC	TT. Tứ Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 12' 13"	105° 31' 36"					F-48-68-C-a
Thôn Mới	DC	TT. Tứ Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 12' 25"	105° 31' 02"					F-48-68-C-a
Thôn Nghè	DC	TT. Tứ Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 12' 15"	105° 31' 28"					F-48-68-C-a
Thôn Sáo	DC	TT. Tứ Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 12' 31"	105° 30' 48"					F-48-68-C-a
Thôn Thị	DC	TT. Tứ Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 12' 14"	105° 31' 31"					F-48-68-C-a
Đường tỉnh 304	KX	TT. Tứ Trưng	H. Vĩnh Tường			21° 16' 46"	105° 28' 59"	21° 14' 16"	105° 34' 13"	F-48-67-D-b F-48-68-C-a
Quốc lộ 2C	KX	TT. Tứ Trưng	H. Vĩnh Tường			21° 09' 53"	105° 29' 02"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	F-48-68-C-a
Đầm Rưng	TV	TT. Tứ Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 12' 04"	105° 31' 08"					F-48-68-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 6B	TV	TT. Tứ Trưng	H. Vĩnh Tường			21° 17' 37"	105° 27' 10"	21° 12' 45"	105° 31' 13"	F-48-68-C-a
kênh chính Tả Ngạn	TV	TT. Tứ Trưng	H. Vĩnh Tường			21° 26' 32"	105° 31' 56"	21° 15' 38"	105° 38' 09"	F-48-68-C-a
tổ dân phố Cầu Quan	DC	TT. Vĩnh Tường	H. Vĩnh Tường	21° 13' 43"	105° 29' 47"					F-48-67-D-b
tổ dân phố Đội Cấn	DC	TT. Vĩnh Tường	H. Vĩnh Tường	21° 13' 14"	105° 30' 55"					F-48-68-C-a
tổ dân phố Hồ Xuân Hương	DC	TT. Vĩnh Tường	H. Vĩnh Tường	21° 13' 34"	105° 30' 07"					F-48-68-C-a
tổ dân phố Nhật Tân	DC	TT. Vĩnh Tường	H. Vĩnh Tường	21° 13' 07"	105° 30' 29"					F-48-68-C-a
tổ dân phố Yên Cát	DC	TT. Vĩnh Tường	H. Vĩnh Tường	21° 13' 21"	105° 30' 40"					F-48-68-C-a
Cầu Quan	KX	TT. Vĩnh Tường	H. Vĩnh Tường	21° 13' 45"	105° 29' 46"					F-48-67-D-b
Đường tỉnh 304	KX	TT. Vĩnh Tường	H. Vĩnh Tường			21° 16' 46"	105° 28' 59"	21° 14' 16"	105° 34' 13"	F-48-67-D-b F-48-68-C-a
Quốc lộ 2C	KX	TT. Vĩnh Tường	H. Vĩnh Tường			21° 09' 53"	105° 29' 02"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	F-48-68-C-a
Kênh 6B	TV	TT. Vĩnh Tường	H. Vĩnh Tường			21° 17' 37"	105° 27' 10"	21° 12' 45"	105° 31' 13"	F-48-68-C-a
kênh chính Tả Ngạn	TV	TT. Vĩnh Tường	H. Vĩnh Tường			21° 26' 32"	105° 31' 56"	21° 15' 38"	105° 38' 09"	F-48-68-C-a
mương Đồng Hướng	TV	TT. Vĩnh Tường	H. Vĩnh Tường			21° 13' 25"	105° 30' 57"	21° 13' 42"	105° 30' 33"	F-48-68-C-a
Vực Xanh	TV	TT. Vĩnh Tường	H. Vĩnh Tường	21° 13' 16"	105° 30' 32"					F-48-68-C-a
thôn Bích Chu	DC	xã An Tường	H. Vĩnh Tường	21° 12' 37"	105° 27' 55"					F-48-67-D-b
thôn Cam Giá	DC	xã An Tường	H. Vĩnh Tường	21° 11' 34"	105° 28' 41"					F-48-67-D-b
thôn Kim Đê	DC	xã An Tường	H. Vĩnh Tường	21° 11' 54"	105° 28' 12"					F-48-67-D-b
thôn Thủ Độ	DC	xã An Tường	H. Vĩnh Tường	21° 12' 19"	105° 28' 01"					F-48-67-D-b
đình Bích Chu	KX	xã An Tường	H. Vĩnh Tường	21° 12' 33"	105° 27' 53"					F-48-67-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Cam Giá	KX	xã An Tường	H. Vĩnh Tường	21° 11' 28"	105° 28' 43"					F-48-67-D-b
đình Thủ Độ	KX	xã An Tường	H. Vĩnh Tường	21° 12' 20"	105° 27' 56"					F-48-67-D-b
Sông Hồng	TV	xã An Tường	H. Vĩnh Tường			21° 15' 57"	105° 26' 33"	21° 10' 18"	105° 37' 29"	F-48-67-D-b
thôn Hà Trì	DC	xã Bình Dương	H. Vĩnh Tường	21° 14' 54"	105° 31' 10"					F-48-68-C-a
thôn Hoa Đà	DC	xã Bình Dương	H. Vĩnh Tường	21° 14' 48"	105° 30' 52"					F-48-68-C-a
thôn Hoa Phú	DC	xã Bình Dương	H. Vĩnh Tường	21° 15' 03"	105° 30' 57"					F-48-68-A-c
thôn Lạc Trung	DC	xã Bình Dương	H. Vĩnh Tường	21° 15' 19"	105° 31' 01"					F-48-68-A-c
thôn Ngọc Động	DC	xã Bình Dương	H. Vĩnh Tường	21° 14' 36"	105° 30' 59"					F-48-68-C-a
thôn Phong Doanh	DC	xã Bình Dương	H. Vĩnh Tường	21° 14' 59"	105° 31' 40"					F-48-68-C-a
thôn Tứ Kỳ	DC	xã Bình Dương	H. Vĩnh Tường	21° 14' 36"	105° 31' 15"					F-48-68-C-a
thôn Yên Thịnh	DC	xã Bình Dương	H. Vĩnh Tường	21° 14' 17"	105° 31' 44"					F-48-68-C-a
Di tích lịch sử văn hóa Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	KX	xã Bình Dương	H. Vĩnh Tường	21° 15' 14"	105° 31' 00"					F-48-68-A-c
Quốc lộ 2C	KX	xã Bình Dương	H. Vĩnh Tường			21° 09' 53"	105° 29' 02"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	F-48-68-A-c F-48-68-C-a
kênh chính Tả Ngạn	TV	xã Bình Dương	H. Vĩnh Tường			21° 26' 32"	105° 31' 56"	21° 15' 38"	105° 38' 09"	F-48-68-A-c
Ngòi Lẽ	TV	xã Bình Dương	H. Vĩnh Tường			21° 15' 44"	105° 30' 42"	21° 14' 33"	105° 30' 35"	F-48-68-A- cF-48-68-C-a
Sông Phan	TV	xã Bình Dương	H. Vĩnh Tường			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-c F-48-68-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Chùa	DC	xã Bồ Sao	H. Vĩnh Tường	21° 16' 54"	105° 27' 02"					F-48-67-B-d
Thôn Đình	DC	xã Bồ Sao	H. Vĩnh Tường	21° 16' 59"	105° 27' 12"					F-48-67-B-d
Thôn Đồi	DC	xã Bồ Sao	H. Vĩnh Tường	21° 17' 00"	105° 27' 27"					F-48-67-B-d
thôn Máy Gạch	DC	xã Bồ Sao	H. Vĩnh Tường	21° 16' 38"	105° 27' 09"					F-48-67-B-d
Thôn Mới	DC	xã Bồ Sao	H. Vĩnh Tường	21° 17' 14"	105° 27' 05"					F-48-67-B-d
cầu Bồ Sao	KX	xã Bồ Sao	H. Vĩnh Tường	21° 17' 01"	105° 27' 05"					F-48-67-B-d
chùa Bảo Ân	KX	xã Bồ Sao	H. Vĩnh Tường	21° 16' 54"	105° 26' 57"					F-48-67-B-d
Đền Đuông	KX	xã Bồ Sao	H. Vĩnh Tường	21° 16' 40"	105° 27' 17"					F-48-67-B-d
Quốc lộ 2	KX	xã Bồ Sao	H. Vĩnh Tường			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-67-B-d
hồ Đồng Chậu	TV	xã Bồ Sao	H. Vĩnh Tường	21° 16' 13"	105° 26' 52"					F-48-67-B-d
hồ Đồng Vàng	TV	xã Bồ Sao	H. Vĩnh Tường	21° 17' 11"	105° 27' 19"					F-48-67-B-d
Hồ Đấu	TV	xã Bồ Sao	H. Vĩnh Tường	21° 16' 40"	105° 27' 00"					F-48-67-B-d
Hồ Làng	TV	xã Bồ Sao	H. Vĩnh Tường	21° 16' 57"	105° 27' 16"					F-48-67-B-d
Kênh 6B	TV	xã Bồ Sao	H. Vĩnh Tường			21° 17' 37"	105° 27' 10"	21° 12' 45"	105° 31' 13"	F-48-67-B-d
thôn Bình Trù	DC	xã Cao Đại	H. Vĩnh Tường	21° 14' 47"	105° 27' 30"					F-48-67-D-b
thôn Cao Xá	DC	xã Cao Đại	H. Vĩnh Tường	21° 14' 56"	105° 27' 12"					F-48-67-D-b
thôn Đại Định	DC	xã Cao Đại	H. Vĩnh Tường	21° 15' 22"	105° 26' 58"					F-48-67-B-d
Kênh 6B	TV	xã Cao Đại	H. Vĩnh Tường			21° 17' 37"	105° 27' 10"	21° 12' 45"	105° 31' 13"	F-48-67-B-d
Sông Hồng	TV	xã Cao Đại	H. Vĩnh Tường			21° 15' 57"	105° 26' 33"	21° 10' 18"	105° 37' 29"	F-48-67-B-d
Thôn Đình	DC	xã Chấn Hưng	H. Vĩnh Tường	21° 17' 39"	105° 30' 16"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Khoát	DC	xã Chấn Hưng	H. Vĩnh Tường	21° 17' 34"	105° 30' 26"					F-48-68-A-c
Thôn Nha	DC	xã Chấn Hưng	H. Vĩnh Tường	21° 16' 53"	105° 31' 02"					F-48-68-A-c
Thôn Nội	DC	xã Chấn Hưng	H. Vĩnh Tường	21° 17' 07"	105° 30' 53"					F-48-68-A-c
thôn Quyết Tiến	DC	xã Chấn Hưng	H. Vĩnh Tường	21° 17' 12"	105° 30' 45"					F-48-68-A-c
thôn Thành Công	DC	xã Chấn Hưng	H. Vĩnh Tường	21° 17' 20"	105° 30' 39"					F-48-68-A-c
Thôn Xuôi	DC	xã Chấn Hưng	H. Vĩnh Tường	21° 16' 38"	105° 31' 15"					F-48-68-A-c
Đường tỉnh 309	KX	xã Chấn Hưng	H. Vĩnh Tường			21° 16' 44"	105° 30' 09"	21° 25' 48"	105° 35' 11"	F-48-68-A-c
ga Hướng Lại	KX	xã Chấn Hưng	H. Vĩnh Tường	21° 17' 34"	105° 31' 03"					F-48-68-A-c
Quốc lộ 2	KX	xã Chấn Hưng	H. Vĩnh Tường			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-68-A-c
Kênh 6A	TV	xã Chấn Hưng	H. Vĩnh Tường			21° 17' 55"	105° 26' 52"	21° 17' 37"	105° 30' 50"	F-48-67-B-d F-48-68-A-c
kênh chính Tả Ngạn	TV	xã Chấn Hưng	H. Vĩnh Tường			21° 26' 32"	105° 31' 56"	21° 15' 38"	105° 38' 09"	F-48-68-A-c
thôn Bích Đại 1	DC	xã Đại Đồng	H. Vĩnh Tường	21° 16' 17"	105° 30' 32"					F-48-68-A-c
thôn Bích Đại 2	DC	xã Đại Đồng	H. Vĩnh Tường	21° 16' 09"	105° 30' 35"					F-48-68-A-c
thôn Bích Đại 3	DC	xã Đại Đồng	H. Vĩnh Tường	21° 16' 01"	105° 30' 37"					F-48-68-A-c
thôn Bích Đại 4	DC	xã Đại Đồng	H. Vĩnh Tường	21° 15' 54"	105° 30' 41"					F-48-68-A-c
thôn Đồng Vệ 1	DC	xã Đại Đồng	H. Vĩnh Tường	21° 16' 43"	105° 30' 12"					F-48-68-A-c
thôn Đồng Vệ 2	DC	xã Đại Đồng	H. Vĩnh Tường	21° 16' 34"	105° 30' 17"					F-48-68-A-c
thôn Đồng Vệ 3	DC	xã Đại Đồng	H. Vĩnh Tường	21° 16' 28"	105° 30' 22"					F-48-68-A-c
thôn Đồng Vệ 4	DC	xã Đại Đồng	H. Vĩnh Tường	21° 16' 22"	105° 30' 27"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 309	KX	xã Đại Đồng	H. Vĩnh Tường			21° 16' 44"	105° 30' 09"	21° 25' 48"	105° 35' 11"	F-48-68-A-c
Quốc lộ 2	KX	xã Đại Đồng	H. Vĩnh Tường			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-67-B-d F-48-68-A-c
kênh chính Tả Ngạn	TV	xã Đại Đồng	H. Vĩnh Tường			21° 26' 32"	105° 31' 56"	21° 15' 38"	105° 38' 09"	F-48-68-A-c
thôn Cẩm Chiền	DC	xã Kim Xá	H. Vĩnh Tường	21° 19' 44"	105° 30' 24"					F-48-68-A-c
thôn Hạ Chuế	DC	xã Kim Xá	H. Vĩnh Tường	21° 18' 55"	105° 29' 09"					F-48-67-B-d
thôn Hoàng Hạ	DC	xã Kim Xá	H. Vĩnh Tường	21° 18' 59"	105° 30' 22"					F-48-68-A-c
thôn Hoàng Tân	DC	xã Kim Xá	H. Vĩnh Tường	21° 19' 49"	105° 29' 49"					F-48-67-B-d
thôn Hoàng Thượng	DC	xã Kim Xá	H. Vĩnh Tường	21° 19' 26"	105° 29' 33"					F-48-67-B-d
thôn Hoàng Trung	DC	xã Kim Xá	H. Vĩnh Tường	21° 19' 56"	105° 30' 09"					F-48-68-A-c
Thôn Nội	DC	xã Kim Xá	H. Vĩnh Tường	21° 19' 07"	105° 30' 31"					F-48-68-A-c
thôn Phú Nông	DC	xã Kim Xá	H. Vĩnh Tường	21° 18' 49"	105° 30' 21"					F-48-68-A-c
Đường tỉnh 309	KX	xã Kim Xá	H. Vĩnh Tường			21° 16' 44"	105° 30' 09"	21° 25' 48"	105° 35' 11"	F-48-67-B-d F-48-68-A-c
Đầm Sổ	TV	xã Kim Xá	H. Vĩnh Tường	21° 19' 05"	105° 31' 02"					F-48-68-A-c
Sông Phan	TV	xã Kim Xá	H. Vĩnh Tường			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-67-B-d F-48-68-A-c
sông Phó Đáy	TV	xã Kim Xá	H. Vĩnh Tường			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	F-48-67-B-d F-48-68-A-c
Thôn Đông	DC	xã Lũng Hòa	H. Vĩnh Tường	21° 16' 04"	105° 28' 36"					F-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hòa Loan	DC	xã Lũng Hòa	H. Vĩnh Tường	21° 16' 43"	105° 27' 41"					F-48-67-B-d
Thôn Nam	DC	xã Lũng Hòa	H. Vĩnh Tường	21° 15' 53"	105° 28' 36"					F-48-67-B-d
Thôn Trung	DC	xã Lũng Hòa	H. Vĩnh Tường	21° 16' 02"	105° 28' 22"					F-48-67-B-d
đình Hòa Loan	KX	xã Lũng Hòa	H. Vĩnh Tường	21° 16' 35"	105° 27' 38"					F-48-67-B-d
Đền Ngòi	KX	xã Lũng Hòa	H. Vĩnh Tường	21° 16' 09"	105° 28' 15"					F-48-67-B-d
Đình Đông	KX	xã Lũng Hòa	H. Vĩnh Tường	21° 16' 05"	105° 28' 38"					F-48-67-B-d
Đình Nam	KX	xã Lũng Hòa	H. Vĩnh Tường	21° 15' 50"	105° 28' 30"					F-48-67-B-d
Quốc lộ 2	KX	xã Lũng Hòa	H. Vĩnh Tường			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-67-B-d
Sông Phan	TV	xã Lũng Hòa	H. Vĩnh Tường			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-67-B-d
thôn Bàn Mạch	DC	xã Lý Nhân	H. Vĩnh Tường	21° 13' 19"	105° 28' 00"					F-48-67-D-b
thôn Vân Giang	DC	xã Lý Nhân	H. Vĩnh Tường	21° 12' 56"	105° 27' 51"					F-48-67-D-b
thôn Vân Hà	DC	xã Lý Nhân	H. Vĩnh Tường	21° 13' 22"	105° 27' 42"					F-48-67-D-b
Sông Hồng	TV	xã Lý Nhân	H. Vĩnh Tường			21° 15' 57"	105° 26' 33"	21° 10' 18"	105° 37' 29"	F-48-67-D-b
Thôn Chợ	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Vĩnh Tường	21° 17' 17"	105° 30' 02"					F-48-68-A-c
Thôn Chùa	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Vĩnh Tường	21° 17' 22"	105° 29' 45"					F-48-67-B-d
Thôn Cuối	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Vĩnh Tường	21° 17' 14"	105° 29' 51"					F-48-67-B-d
Thôn Đình	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Vĩnh Tường	21° 17' 07"	105° 30' 12"					F-48-68-A-c
thôn Nghĩa Lập	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Vĩnh Tường	21° 18' 00"	105° 29' 36"					F-48-67-B-d
Thôn Sen	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Vĩnh Tường	21° 16' 55"	105° 30' 27"					F-48-68-A-c
Thôn Vỡ	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Vĩnh Tường	21° 17' 06"	105° 29' 58"					F-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Sông Kênh	KX	xã Nghĩa Hưng	H. Vĩnh Tường	21° 17' 08"	105° 30' 07"					F-48-68-A-c
Đường tỉnh 309	KX	xã Nghĩa Hưng	H. Vĩnh Tường			21° 16' 44"	105° 30' 09"	21° 25' 48"	105° 35' 11"	F-48-67-B-d F-48-68-A-c
Quốc lộ 2	KX	xã Nghĩa Hưng	H. Vĩnh Tường			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-68-A-c
Kênh 6A	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Vĩnh Tường			21° 17' 55"	105° 26' 52"	21° 17' 37"	105° 30' 50"	F-48-67-B-d
Sông Phan	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Vĩnh Tường			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-67-B-d
thôn An Thọ	DC	xã Ngũ Kiên	H. Vĩnh Tường	21° 11' 55"	105° 31' 18"					F-48-68-C-a
thôn Cẩm Vực	DC	xã Ngũ Kiên	H. Vĩnh Tường	21° 11' 13"	105° 31' 25"					F-48-68-C-a
Thôn Chùa	DC	xã Ngũ Kiên	H. Vĩnh Tường	21° 11' 58"	105° 31' 59"					F-48-68-C-a
thôn Chung 1	DC	xã Ngũ Kiên	H. Vĩnh Tường	21° 11' 39"	105° 31' 32"					F-48-68-C-a
thôn Chung 2	DC	xã Ngũ Kiên	H. Vĩnh Tường	21° 11' 46"	105° 31' 28"					F-48-68-C-a
Thôn Dầu	DC	xã Ngũ Kiên	H. Vĩnh Tường	21° 12' 00"	105° 31' 47"					F-48-68-C-a
Thôn Đông	DC	xã Ngũ Kiên	H. Vĩnh Tường	21° 11' 32"	105° 31' 37"					F-48-68-C-a
thôn Hồi Cương	DC	xã Ngũ Kiên	H. Vĩnh Tường	21° 11' 17"	105° 31' 11"					F-48-68-C-a
Thôn Mới	DC	xã Ngũ Kiên	H. Vĩnh Tường	21° 11' 33"	105° 32' 03"					F-48-68-C-a
thôn Tân An	DC	xã Ngũ Kiên	H. Vĩnh Tường	21° 11' 11"	105° 31' 53"					F-48-68-C-a
thôn Thượng 1	DC	xã Ngũ Kiên	H. Vĩnh Tường	21° 11' 42"	105° 31' 14"					F-48-68-C-a
thôn Thượng 2	DC	xã Ngũ Kiên	H. Vĩnh Tường	21° 11' 44"	105° 31' 03"					F-48-68-C-a
Thôn Ven	DC	xã Ngũ Kiên	H. Vĩnh Tường	21° 11' 52"	105° 31' 52"					F-48-68-C-a
Thôn Xám	DC	xã Ngũ Kiên	H. Vĩnh Tường	21° 12' 05"	105° 31' 44"					F-48-68-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đầm Rưng	TV	xã Ngũ Kiên	H. Vĩnh Tường	21° 12' 04"	105° 31' 08"					F-48-68-C-a
kênh chính Tả Ngạn	TV	xã Ngũ Kiên	H. Vĩnh Tường			21° 26' 32"	105° 31' 56"	21° 15' 38"	105° 38' 09"	F-48-68-C-a
thôn Bảo Trưng	DC	xã Phú Đa	H. Vĩnh Tường	21° 11' 43"	105° 30' 21"					F-48-68-C-a
Thôn Đông	DC	xã Phú Đa	H. Vĩnh Tường	21° 11' 22"	105° 30' 53"					F-48-68-C-a
Thôn Gồ	DC	xã Phú Đa	H. Vĩnh Tường	21° 10' 34"	105° 30' 59"					F-48-68-C-a
thôn Tam Dinh	DC	xã Phú Đa	H. Vĩnh Tường	21° 11' 28"	105° 30' 47"					F-48-68-C-a
Thôn Thượng	DC	xã Phú Đa	H. Vĩnh Tường	21° 11' 29"	105° 30' 34"					F-48-68-C-a
Thôn Trung	DC	xã Phú Đa	H. Vĩnh Tường	21° 11' 21"	105° 30' 37"					F-48-68-C-a
thôn Yên Định	DC	xã Phú Đa	H. Vĩnh Tường	21° 10' 36"	105° 31' 32"					F-48-68-C-a
đền Phú Đá	KX	xã Phú Đa	H. Vĩnh Tường	21° 11' 17"	105° 30' 55"					F-48-68-C-a
Quốc lộ 2C	KX	xã Phú Đa	H. Vĩnh Tường			21° 09' 53"	105° 29' 02"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	F-48-68-C-a
Đầm Rưng	TV	xã Phú Đa	H. Vĩnh Tường	21° 12' 04"	105° 31' 08"					F-48-68-C-a
thôn Bàn Giang	DC	xã Phú Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 14' 19"	105° 27' 18"					F-48-67-D-b
thôn Bàn Mạch	DC	xã Phú Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 14' 15"	105° 27' 38"					F-48-67-D-b
thôn Đan Thượng	DC	xã Phú Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 14' 11"	105° 27' 58"					F-48-67-D-b
thôn Yên Xuyên	DC	xã Phú Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 13' 59"	105° 27' 31"					F-48-67-D-b
Sông Hồng	TV	xã Phú Thịnh	H. Vĩnh Tường			21° 15' 57"	105° 26' 33"	21° 10' 18"	105° 37' 29"	F-48-67-D-b
thôn Ngược Phù Lập	DC	xã Tam Phúc	H. Vĩnh Tường	21° 12' 13"	105° 30' 21"					F-48-68-C-a
thôn Phúc Lập Ngoài	DC	xã Tam Phúc	H. Vĩnh Tường	21° 12' 32"	105° 30' 20"					F-48-68-C-a
thôn Phúc Lập Trong	DC	xã Tam Phúc	H. Vĩnh Tường	21° 12' 42"	105° 30' 27"					F-48-68-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phù Cốc	DC	xã Tam Phúc	H. Vĩnh Tường	21° 12' 49"	105° 30' 35"					F-48-68-C-a
thôn Quảng Cư	DC	xã Tam Phúc	H. Vĩnh Tường	21° 11' 57"	105° 30' 02"					F-48-68-C-a
thôn Xuôi Phù Lập	DC	xã Tam Phúc	H. Vĩnh Tường	21° 12' 14"	105° 30' 36"					F-48-68-C-a
Quốc lộ 2C	KX	xã Tam Phúc	H. Vĩnh Tường			21° 09' 53"	105° 29' 02"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	F-48-68-C-a
Đầm Khoang	TV	xã Tam Phúc	H. Vĩnh Tường	21° 13' 01"	105° 29' 46"					F-48-67-D-b
Đầm Rưng	TV	xã Tam Phúc	H. Vĩnh Tường	21° 12' 04"	105° 31' 08"					F-48-68-C-a
Kênh 6B	TV	xã Tam Phúc	H. Vĩnh Tường			21° 17' 37"	105° 27' 10"	21° 12' 45"	105° 31' 13"	F-48-68-C-a
thôn Dẫn Tự	DC	xã Tân Cương	H. Vĩnh Tường	21° 14' 29"	105° 27' 47"					F-48-67-D-b
thôn Đồng Phú	DC	xã Tân Cương	H. Vĩnh Tường	21° 14' 37"	105° 28' 13"					F-48-67-D-b
thôn Hoà Lạc	DC	xã Tân Cương	H. Vĩnh Tường	21° 14' 39"	105° 28' 01"					F-48-67-D-b
Kênh 6B	TV	xã Tân Cương	H. Vĩnh Tường			21° 17' 37"	105° 27' 10"	21° 12' 45"	105° 31' 13"	F-48-67-B-d
Thôn Mới	DC	xã Tân Tiến	H. Vĩnh Tường	21° 16' 32"	105° 29' 31"					F-48-67-B-d
Thôn Nội	DC	xã Tân Tiến	H. Vĩnh Tường	21° 16' 00"	105° 29' 45"					F-48-67-B-d
thôn Thượng Lạp	DC	xã Tân Tiến	H. Vĩnh Tường	21° 16' 54"	105° 29' 14"					F-48-67-B-d
cầu Thượng Lạp	KX	xã Tân Tiến	H. Vĩnh Tường	21° 16' 49"	105° 28' 40"					F-48-67-B-d
Cụm kinh tế xã hội Tân Tiến	KX	xã Tân Tiến	H. Vĩnh Tường	21° 16' 18"	105° 29' 11"					F-48-67-B-d
Đường tỉnh 304	KX	xã Tân Tiến	H. Vĩnh Tường			21° 16' 46"	105° 28' 59"	21° 14' 16"	105° 34' 13"	F-48-67-B-d
Quốc lộ 2	KX	xã Tân Tiến	H. Vĩnh Tường			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-67-B-d
Sông Phan	TV	xã Tân Tiến	H. Vĩnh Tường			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Chùa Chợ	DC	xã Thượng Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 14' 28"	105° 28' 28"					F-48-67-D-b
thôn Phú Hạnh	DC	xã Thượng Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 14' 09"	105° 28' 52"					F-48-67-D-b
thôn Phú Thứ A	DC	xã Thượng Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 13' 50"	105° 29' 15"					F-48-67-D-b
thôn Phú Thứ B	DC	xã Thượng Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 13' 41"	105° 29' 17"					F-48-67-D-b
thôn Phú Trưng A	DC	xã Thượng Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 13' 58"	105° 28' 49"					F-48-67-D-b
thôn Phú Trưng B	DC	xã Thượng Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 13' 50"	105° 28' 49"					F-48-67-D-b
thôn Phú Trưng C	DC	xã Thượng Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 13' 43"	105° 28' 45"					F-48-67-D-b
thôn Thạch Ngõa	DC	xã Thượng Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 14' 19"	105° 28' 44"					F-48-67-D-b
thôn Thọ Trưng	DC	xã Thượng Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 14' 44"	105° 28' 50"					F-48-67-D-b
thôn Xóm Đơi	DC	xã Thượng Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 14' 23"	105° 28' 56"					F-48-67-D-b
thôn Xóm Lâm	DC	xã Thượng Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 14' 01"	105° 28' 10"					F-48-67-D-b
thôn Xóm Mới A	DC	xã Thượng Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 14' 16"	105° 28' 19"					F-48-67-D-b
thôn Xóm Mới B	DC	xã Thượng Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 14' 06"	105° 28' 30"					F-48-67-D-b
chùa Thượng Trưng	KX	xã Thượng Trưng	H. Vĩnh Tường	21° 14' 25"	105° 28' 36"					F-48-67-D-b
Đường tỉnh 304	KX	xã Thượng Trưng	H. Vĩnh Tường			21° 16' 46"	105° 28' 59"	21° 14' 16"	105° 34' 13"	F-48-67-D-b
Kênh 6B	TV	xã Thượng Trưng	H. Vĩnh Tường			21° 17' 37"	105° 27' 10"	21° 12' 45"	105° 31' 13"	F-48-67-D-b
Thôn Đông	DC	xã Tuân Chính	H. Vĩnh Tường	21° 12' 48"	105° 29' 02"					F-48-67-D-b
thôn Phù Chính	DC	xã Tuân Chính	H. Vĩnh Tường	21° 12' 33"	105° 29' 29"					F-48-67-D-b
thôn Quảng Cư	DC	xã Tuân Chính	H. Vĩnh Tường	21° 11' 55"	105° 29' 05"					F-48-67-D-b
Thôn Táo	DC	xã Tuân Chính	H. Vĩnh Tường	21° 12' 28"	105° 28' 27"					F-48-67-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Lập	DC	xã Tuân Chính	H. Vĩnh Tường	21° 12' 54"	105° 28' 44"					F-48-67-D-b
Thôn Thượng	DC	xã Tuân Chính	H. Vĩnh Tường	21° 13' 07"	105° 28' 52"					F-48-67-D-b
Thôn Trung	DC	xã Tuân Chính	H. Vĩnh Tường	21° 12' 57"	105° 28' 59"					F-48-67-D-b
chùa Hoa Dương	KX	xã Tuân Chính	H. Vĩnh Tường	21° 13' 03"	105° 28' 51"					F-48-67-D-b
đình Tuân Lộ	KX	xã Tuân Chính	H. Vĩnh Tường	21° 12' 56"	105° 28' 53"					F-48-67-D-b
Quốc lộ 2C	KX	xã Tuân Chính	H. Vĩnh Tường			21° 09' 53"	105° 29' 02"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	F-48-67-D-b
Đầm Khoang	TV	xã Tuân Chính	H. Vĩnh Tường	21° 13' 01"	105° 29' 46"					F-48-67-D-b
Đầm Thôi	TV	xã Tuân Chính	H. Vĩnh Tường	21° 12' 50"	105° 29' 48"					F-48-67-D-b
Kênh 6B	TV	xã Tuân Chính	H. Vĩnh Tường			21° 17' 37"	105° 27' 10"	21° 12' 45"	105° 31' 13"	F-48-67-D-b
Thôn Bắc	DC	xã Vân Xuân	H. Vĩnh Tường	21° 13' 47"	105° 31' 59"					F-48-68-C-a
Thôn Chùa	DC	xã Vân Xuân	H. Vĩnh Tường	21° 13' 47"	105° 31' 48"					F-48-68-C-a
Thôn Đình	DC	xã Vân Xuân	H. Vĩnh Tường	21° 13' 54"	105° 31' 59"					F-48-68-C-a
Thôn Đông	DC	xã Vân Xuân	H. Vĩnh Tường	21° 14' 00"	105° 32' 00"					F-48-68-C-a
Thôn Trại	DC	xã Vân Xuân	H. Vĩnh Tường	21° 13' 53"	105° 32' 06"					F-48-68-C-a
thôn Xuân Húc 1	DC	xã Vân Xuân	H. Vĩnh Tường	21° 14' 16"	105° 32' 12"					F-48-68-C-a
thôn Xuân Húc 2	DC	xã Vân Xuân	H. Vĩnh Tường	21° 14' 17"	105° 32' 02"					F-48-68-C-a
thôn Xuân Húc 3	DC	xã Vân Xuân	H. Vĩnh Tường	21° 14' 08"	105° 32' 06"					F-48-68-C-a
thôn Xuân Húc 4	DC	xã Vân Xuân	H. Vĩnh Tường	21° 13' 58"	105° 32' 11"					F-48-68-C-a
Sông Phan	TV	xã Vân Xuân	H. Vĩnh Tường			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-C-a
thôn Diệm Xuân	DC	xã Việt Xuân	H. Vĩnh Tường	21° 17' 21"	105° 27' 31"					F-48-67-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phượng Lâu	DC	xã Việt Xuân	H. Vĩnh Tường	21° 17' 42"	105° 27' 58"					F-48-67-B-d
thôn Việt An	DC	xã Việt Xuân	H. Vĩnh Tường	21° 17' 52"	105° 26' 56"					F-48-67-B-d
thôn Việt Hưng	DC	xã Việt Xuân	H. Vĩnh Tường	21° 17' 52"	105° 27' 20"					F-48-67-B-d
Đường tỉnh 305C	KX	xã Việt Xuân	H. Vĩnh Tường			21° 22' 53"	105° 27' 29"	21° 17' 33"	105° 27' 06"	F-48-67-B-d
ga Bạch Hạc	KX	xã Việt Xuân	H. Vĩnh Tường	21° 17' 30"	105° 27' 42"					F-48-67-B-d
Quốc lộ 2	KX	xã Việt Xuân	H. Vĩnh Tường			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-67-B-d
Kênh 6A	TV	xã Việt Xuân	H. Vĩnh Tường			21° 17' 55"	105° 26' 52"	21° 17' 37"	105° 30' 50"	F-48-67-B-d
Kênh 6B	TV	xã Việt Xuân	H. Vĩnh Tường			21° 17' 37"	105° 27' 10"	21° 12' 45"	105° 31' 13"	F-48-67-B-d
Sông Lô	TV	xã Việt Xuân	H. Vĩnh Tường			21° 30' 29"	105° 19' 23"	21° 18' 00"	105° 26' 53"	F-48-67-B-d
sông Phó Đáy	TV	xã Việt Xuân	H. Vĩnh Tường			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	F-48-67-B-d
thôn Duy Bình	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Tường	21° 09' 56"	105° 30' 22"					F-48-68-C-a
thôn Hậu Lộc	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Tường	21° 10' 05"	105° 31' 50"					F-48-68-C-a
thôn Kim Xa	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Tường	21° 09' 48"	105° 30' 43"					F-48-68-C-a
thôn Xuân Chiểu	DC	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Tường	21° 09' 48"	105° 31' 19"					F-48-68-C-a
tuyến đò Vĩnh Ninh	KX	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Tường	21° 09' 30"	105° 30' 25"					F-48-68-C-a
Sông Hồng	TV	xã Vĩnh Ninh	H. Vĩnh Tường			21° 15' 57"	105° 26' 33"	21° 10' 18"	105° 37' 29"	F-48-68-C-a
thôn Vĩnh Sơn 1	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Tường	21° 15' 02"	105° 29' 55"					F-48-67-B-d
thôn Vĩnh Sơn 2	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Tường	21° 15' 09"	105° 30' 09"					F-48-68-A-c
thôn Vĩnh Sơn 3	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Tường	21° 15' 01"	105° 30' 13"					F-48-68-A-c
thôn Vĩnh Sơn 4	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Tường	21° 14' 55"	105° 29' 50"					F-48-67-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vĩnh Sơn 5	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Tường	21° 14' 54"	105° 29' 58"					F-48-67-D-b
chùa Vĩnh Sơn	KX	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Tường	21° 15' 03"	105° 30' 05"					F-48-68-A-c
đình Vĩnh Sơn	KX	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Tường	21° 15' 04"	105° 30' 04"					F-48-68-A-c
Ngòi Lẽ	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Tường			21° 15' 44"	105° 30' 42"	21° 14' 33"	105° 30' 35"	F-48-68-A-c
Sông Phan	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Tường			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-67-D-b F-48-68-C-a
thôn An Hạ	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 10' 53"	105° 30' 12"					F-48-68-C-a
thôn An Lão Giữa	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 10' 34"	105° 28' 56"					F-48-67-D-b
thôn An Lão Ngược	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 10' 23"	105° 28' 46"					F-48-67-D-b
thôn An Lão Trên	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 10' 39"	105° 28' 44"					F-48-67-D-b
thôn An Lão Xuôi	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 10' 15"	105° 28' 57"					F-48-67-D-b
thôn An Thượng	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 11' 33"	105° 29' 06"					F-48-67-D-b
Thôn Hệ	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 11' 15"	105° 29' 16"					F-48-67-D-b
thôn Hoàng Xá Đình	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 11' 25"	105° 29' 34"					F-48-67-D-b
thôn Hoàng Xá Đông	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 11' 37"	105° 29' 40"					F-48-67-D-b
thôn Hoàng Xá Ngược	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 11' 34"	105° 29' 23"					F-48-67-D-b
thôn Khách Nhi	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 11' 12"	105° 29' 56"					F-48-67-D-b
thôn Khách Nhi Ngược	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 09' 58"	105° 29' 48"					F-48-67-D-b
thôn Khách Nhi Xuôi	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 09' 55"	105° 30' 10"					F-48-68-C-a
Thôn Liễu	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 10' 30"	105° 29' 19"					F-48-67-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Môn Trì	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 11' 08"	105° 29' 31"					F-48-67-D-b
thôn Trại Trì	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 10' 07"	105° 29' 20"					F-48-67-D-b
cầu Vĩnh Thịnh	KX	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 09' 53"	105° 29' 02"					F-48-67-D-b
Quốc lộ 2C	KX	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường			21° 09' 53"	105° 29' 02"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	F-48-67-D-b
tuyến phà Vĩnh Thịnh	KX	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 09' 56"	105° 28' 58"					F-48-67-D-b
tuyến đò Mía	KX	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường	21° 10' 13"	105° 28' 34"					F-48-67-D-b
Sông Hồng	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Tường			21° 15' 57"	105° 26' 33"	21° 10' 18"	105° 37' 29"	F-48-67-D-b F-48-68-C-a
thôn Vũ Di	DC	xã Vũ Di	H. Vĩnh Tường	21° 13' 43"	105° 31' 04"					F-48-68-C-a
thôn Xuân Lai	DC	xã Vũ Di	H. Vĩnh Tường	21° 13' 57"	105° 31' 21"					F-48-68-C-a
thôn Yên Nhiên	DC	xã Vũ Di	H. Vĩnh Tường	21° 14' 09"	105° 30' 26"					F-48-68-C-a
thôn Yên Trình	DC	xã Vũ Di	H. Vĩnh Tường	21° 13' 49"	105° 30' 08"					F-48-68-C-a
cầu Vũ Di	KX	xã Vũ Di	H. Vĩnh Tường	21° 13' 47"	105° 31' 22"					F-48-68-C-a
Cụm công nghiệp Đầm Sóc	KX	xã Vũ Di	H. Vĩnh Tường	21° 13' 27"	105° 31' 13"					F-48-68-C-a
Quốc lộ 2C	KX	xã Vũ Di	H. Vĩnh Tường			21° 09' 53"	105° 29' 02"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	F-48-68-C-a
Đầm Sóc	TV	xã Vũ Di	H. Vĩnh Tường	21° 13' 47"	105° 30' 42"					F-48-68-C-a
kênh chính Tả Ngạn	TV	xã Vũ Di	H. Vĩnh Tường			21° 26' 32"	105° 31' 56"	21° 15' 38"	105° 38' 09"	F-48-68-A-c
mương Đồng Hướng	TV	xã Vũ Di	H. Vĩnh Tường			21° 13' 25"	105° 30' 57"	21° 13' 42"	105° 30' 33"	F-48-68-C-a
Sông Phan	TV	xã Vũ Di	H. Vĩnh Tường			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Đình	DC	xã Yên Bình	H. Vĩnh Tường	21° 18' 17"	105° 31' 08"					F-48-68-A-c
thôn Lực Điền	DC	xã Yên Bình	H. Vĩnh Tường	21° 19' 01"	105° 31' 36"					F-48-68-A-c
Thôn Nội	DC	xã Yên Bình	H. Vĩnh Tường	21° 18' 02"	105° 31' 14"					F-48-68-A-c
thôn Yên Trù	DC	xã Yên Bình	H. Vĩnh Tường	21° 18' 11"	105° 30' 44"					F-48-68-A-c
Đầm Sổ	TV	xã Yên Bình	H. Vĩnh Tường	21° 19' 05"	105° 31' 02"					F-48-68-A-c
kênh chính Tả Ngạn	TV	xã Yên Bình	H. Vĩnh Tường			21° 26' 32"	105° 31' 56"	21° 15' 38"	105° 38' 09"	F-48-68-A-c
thôn Bến Cả	DC	xã Yên Lập	H. Vĩnh Tường	21° 17' 46"	105° 28' 14"					F-48-67-B-d
thôn Đồi Me	DC	xã Yên Lập	H. Vĩnh Tường	21° 16' 55"	105° 28' 14"					F-48-67-B-d
thôn Hạc Đình	DC	xã Yên Lập	H. Vĩnh Tường	21° 17' 33"	105° 28' 35"					F-48-67-B-d
thôn Hội Chữ	DC	xã Yên Lập	H. Vĩnh Tường	21° 17' 36"	105° 28' 23"					F-48-67-B-d
thôn Phủ Yên 1	DC	xã Yên Lập	H. Vĩnh Tường	21° 17' 52"	105° 28' 58"					F-48-67-B-d
thôn Phủ Yên 2	DC	xã Yên Lập	H. Vĩnh Tường	21° 17' 44"	105° 28' 57"					F-48-67-B-d
thôn Phủ Yên 3	DC	xã Yên Lập	H. Vĩnh Tường	21° 17' 41"	105° 28' 53"					F-48-67-B-d
thôn Phủ Yên 4	DC	xã Yên Lập	H. Vĩnh Tường	21° 17' 36"	105° 28' 48"					F-48-67-B-d
cầu Thượng Lạp	KX	xã Yên Lập	H. Vĩnh Tường	21° 16' 49"	105° 28' 40"					F-48-67-B-d
Quốc lộ 2	KX	xã Yên Lập	H. Vĩnh Tường			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-67-B-d
Kênh 6A	TV	xã Yên Lập	H. Vĩnh Tường			21° 17' 55"	105° 26' 52"	21° 17' 37"	105° 30' 50"	F-48-67-B-d
Sông Phan	TV	xã Yên Lập	H. Vĩnh Tường			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-67-B-d
sông Phó Đáy	TV	xã Yên Lập	H. Vĩnh Tường			21° 31' 41"	105° 29' 41"	21° 17' 56"	105° 26' 59"	F-48-67-B-d
tổ dân phố 1 Đoài	DC	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc	21° 14' 13"	105° 34' 44"					F-48-68-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 1 Đông	DC	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc	21° 14' 09"	105° 34' 52"					F-48-68-C-a
tổ dân phố 1 Tiên	DC	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc	21° 14' 35"	105° 34' 35"					F-48-68-C-a
tổ dân phố 1 Trung	DC	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc	21° 14' 21"	105° 34' 44"					F-48-68-C-a
tổ dân phố 2 Đoài	DC	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc	21° 14' 14"	105° 34' 35"					F-48-68-C-a
tổ dân phố 2 Đông	DC	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc	21° 14' 13"	105° 34' 57"					F-48-68-C-a
tổ dân phố 2 Tiên	DC	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc	21° 14' 31"	105° 34' 34"					F-48-68-C-a
tổ dân phố 2 Trung	DC	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc	21° 14' 29"	105° 34' 51"					F-48-68-C-a
tổ dân phố 3 Đoài	DC	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc	21° 14' 14"	105° 34' 27"					F-48-68-C-a
tổ dân phố 3 Đông	DC	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc	21° 14' 15"	105° 35' 06"					F-48-68-C-a
tổ dân phố 3 Tiên	DC	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc	21° 14' 18"	105° 34' 22"					F-48-68-C-a
tổ dân phố 3 Trung	DC	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc	21° 14' 26"	105° 34' 42"					F-48-68-C-a
tổ dân phố 4 Đoài	DC	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc	21° 14' 06"	105° 34' 40"					F-48-68-C-a
tổ dân phố 4 Đông	DC	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc	21° 14' 25"	105° 35' 06"					F-48-68-C-a
tổ dân phố 5 Đông	DC	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc	21° 14' 21"	105° 34' 57"					F-48-68-C-a
tổ dân phố 6 Đông	DC	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc	21° 14' 17"	105° 34' 51"					F-48-68-C-a
chùa Biện Sơn	KX	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc	21° 14' 05"	105° 35' 19"					F-48-68-C-a
Cụm làng nghề Yên Lạc	KX	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc	21° 14' 03"	105° 34' 30"					F-48-68-C-a
Di tích khảo cổ học Đồng Đậu	KX	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc	21° 14' 04"	105° 35' 11"					F-48-68-C-a
đền Gia Loan	KX	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc	21° 13' 55"	105° 35' 17"					F-48-68-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 303	KX	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc			21° 15' 45"	105° 39' 11"	21° 15' 32"	105° 32' 25"	F-48-68-C-a
Đường tỉnh 304	KX	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc			21° 16' 46"	105° 28' 59"	21° 14' 16"	105° 34' 13"	F-48-68-C-a
Đường tỉnh 305	KX	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc			21° 11' 57"	105° 34' 54"	21° 24' 54"	105° 27' 42"	F-48-68-C-a
Kênh 2	TV	TT. Yên Lạc	H. Yên Lạc			21° 19' 31"	105° 32' 30"	21° 13' 37"	105° 33' 50"	F-48-68-A-c
thôn Cốc Lâm	DC	xã Bình Định	H. Yên Lạc	21° 15' 51"	105° 35' 30"					F-48-68-A-c
thôn Cung Thượng	DC	xã Bình Định	H. Yên Lạc	21° 15' 55"	105° 34' 38"					F-48-68-A-c
thôn Đại Nội	DC	xã Bình Định	H. Yên Lạc	21° 15' 32"	105° 35' 02"					F-48-68-A-c
thôn Yên Quán	DC	xã Bình Định	H. Yên Lạc	21° 15' 08"	105° 35' 20"					F-48-68-A-c
Đường tỉnh 305	KX	xã Bình Định	H. Yên Lạc			21° 11' 57"	105° 34' 54"	21° 24' 54"	105° 27' 42"	F-48-68-A-c F-48-68-C-a
Đầm Cả	TV	xã Bình Định	H. Yên Lạc	21° 15' 33"	105° 35' 31"					F-48-68-A-c
Kênh 2	TV	xã Bình Định	H. Yên Lạc			21° 19' 31"	105° 32' 30"	21° 13' 37"	105° 33' 50"	F-48-68-A-c
kênh Sáu Vó	TV	xã Bình Định	H. Yên Lạc			21° 16' 00"	105° 38' 04"	21° 15' 44"	105° 34' 47"	F-48-68-A-c
thôn Cẩm Nha	DC	xã Đại Tự	H. Yên Lạc	21° 11' 10"	105° 32' 36"					F-48-68-C-a
thôn Cẩm Trạch	DC	xã Đại Tự	H. Yên Lạc	21° 11' 00"	105° 32' 27"					F-48-68-C-a
thôn Cẩm Viên	DC	xã Đại Tự	H. Yên Lạc	21° 11' 09"	105° 32' 17"					F-48-68-C-a
thôn Đại Tự 1	DC	xã Đại Tự	H. Yên Lạc	21° 10' 45"	105° 33' 18"					F-48-68-C-a
thôn Đại Tự 2	DC	xã Đại Tự	H. Yên Lạc	21° 10' 52"	105° 33' 03"					F-48-68-C-a
thôn Đại Tự 3	DC	xã Đại Tự	H. Yên Lạc	21° 10' 51"	105° 32' 46"					F-48-68-C-a
thôn Đại Tự 4	DC	xã Đại Tự	H. Yên Lạc	21° 11' 07"	105° 33' 01"					F-48-68-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đại Tự 5	DC	xã Đại Tự	H. Yên Lạc	21° 10' 59"	105° 33' 10"					F-48-68-C-a
thôn Đại Tự 6	DC	xã Đại Tự	H. Yên Lạc	21° 10' 54"	105° 33' 17"					F-48-68-C-a
thôn Tam Kỳ 1	DC	xã Đại Tự	H. Yên Lạc	21° 10' 06"	105° 33' 08"					F-48-68-C-a
thôn Tam Kỳ 2	DC	xã Đại Tự	H. Yên Lạc	21° 09' 57"	105° 32' 50"					F-48-68-C-a
thôn Tam Kỳ 3	DC	xã Đại Tự	H. Yên Lạc	21° 09' 51"	105° 32' 33"					F-48-68-C-a
thôn Tam Kỳ 4	DC	xã Đại Tự	H. Yên Lạc	21° 09' 47"	105° 32' 18"					F-48-68-C-a
thôn Tam Kỳ 5	DC	xã Đại Tự	H. Yên Lạc	21° 10' 08"	105° 32' 20"					F-48-68-C-a
thôn Tam Kỳ 6	DC	xã Đại Tự	H. Yên Lạc	21° 10' 14"	105° 32' 46"					F-48-68-C-a
thôn Trung An	DC	xã Đại Tự	H. Yên Lạc	21° 10' 59"	105° 31' 48"					F-48-68-C-a
kênh chính Tả Ngạn	TV	xã Đại Tự	H. Yên Lạc			21° 26' 32"	105° 31' 56"	21° 15' 38"	105° 38' 09"	F-48-68-C-a
thôn Chi Chỉ	DC	xã Đồng Cương	H. Yên Lạc	21° 16' 06"	105° 34' 25"					F-48-68-A-c
thôn Cổ Tích	DC	xã Đồng Cương	H. Yên Lạc	21° 15' 49"	105° 34' 00"					F-48-68-A-c
thôn Dịch Đồng	DC	xã Đồng Cương	H. Yên Lạc	21° 16' 41"	105° 35' 17"					F-48-68-A-c
thôn Phú Cường	DC	xã Đồng Cương	H. Yên Lạc	21° 16' 39"	105° 35' 32"					F-48-68-A-c
thôn Vật Cách	DC	xã Đồng Cương	H. Yên Lạc	21° 16' 42"	105° 34' 26"					F-48-68-A-c
cầu Vật Cách	KX	xã Đồng Cương	H. Yên Lạc	21° 16' 31"	105° 34' 22"					F-48-68-A-c
chùa Cổ Tích	KX	xã Đồng Cương	H. Yên Lạc	21° 15' 46"	105° 33' 53"					F-48-68-A-c
đình Cổ Tích	KX	xã Đồng Cương	H. Yên Lạc	21° 15' 45"	105° 33' 56"					F-48-68-A-c
đình Tri Chỉ	KX	xã Đồng Cương	H. Yên Lạc	21° 16' 03"	105° 34' 22"					F-48-68-A-c
đình Vật Cách	KX	xã Đồng Cương	H. Yên Lạc	21° 16' 40"	105° 34' 24"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 305	KX	xã Đồng Cương	H. Yên Lạc			21° 11' 57"	105° 34' 54"	21° 24' 54"	105° 27' 42"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 305B	KX	xã Đồng Cương	H. Yên Lạc			21° 16' 13"	105° 34' 21"	21° 15' 45"	105° 39' 11"	F-48-68-A-c
Đường tránh thành phố Vĩnh Yên	KX	xã Đồng Cương	H. Yên Lạc			21° 17' 08"	105° 37' 52"	21° 17' 06"	105° 31' 57"	F-48-68-A-c
Kênh 2	TV	xã Đồng Cương	H. Yên Lạc			21° 19' 31"	105° 32' 30"	21° 13' 37"	105° 33' 50"	F-48-68-A-c
Sông Phan	TV	xã Đồng Cương	H. Yên Lạc			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-c
thôn Báo Văn 1	DC	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc	21° 16' 28"	105° 31' 32"					F-48-68-A-c
thôn Báo Văn 2	DC	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc	21° 16' 18"	105° 31' 37"					F-48-68-A-c
thôn Đồng Lạc 1	DC	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc	21° 16' 27"	105° 32' 40"					F-48-68-A-c
thôn Đồng Lạc 2	DC	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc	21° 16' 24"	105° 32' 29"					F-48-68-A-c
thôn Đồng Lạc 3	DC	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc	21° 16' 33"	105° 32' 28"					F-48-68-A-c
thôn Hùng Vĩ 1	DC	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc	21° 16' 40"	105° 32' 08"					F-48-68-A-c
thôn Hùng Vĩ 2	DC	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc	21° 16' 32"	105° 32' 08"					F-48-68-A-c
thôn Hùng Vĩ 3	DC	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc	21° 16' 31"	105° 31' 56"					F-48-68-A-c
thôn Yên Lạc 1	DC	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc	21° 16' 07"	105° 31' 51"					F-48-68-A-c
thôn Yên Lạc 2	DC	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc	21° 16' 00"	105° 32' 01"					F-48-68-A-c
thôn Yên Lạc 3	DC	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc	21° 15' 54"	105° 32' 08"					F-48-68-A-c
thôn Yên Lạc 4	DC	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc	21° 15' 40"	105° 32' 17"					F-48-68-A-c
chùa Đại An	KX	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc	21° 16' 24"	105° 31' 25"					F-48-68-A-c
chùa Tiền Môn	KX	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc	21° 16' 36"	105° 31' 55"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Đồng Lạc	KX	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc	21° 16' 22"	105° 32' 31"					F-48-68-A-c
đền Khoang Khoáng	KX	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc	21° 16' 18"	105° 31' 22"					F-48-68-A-c
đền Quan Trạng	KX	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc	21° 15' 53"	105° 32' 05"					F-48-68-A-c
đình Hùng Vĩ	KX	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc	21° 16' 33"	105° 32' 04"					F-48-68-A-c
đình Yên Lạc	KX	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc	21° 16' 00"	105° 31' 55"					F-48-68-A-c
Đường tránh thành phố Vĩnh Yên	KX	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc			21° 17' 08"	105° 37' 52"	21° 17' 06"	105° 31' 57"	F-48-68-A-c
Đường tỉnh 303	KX	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc			21° 15' 45"	105° 39' 11"	21° 15' 32"	105° 32' 25"	F-48-68-A-c
Quốc lộ 2	KX	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc			21° 14' 28"	105° 44' 03"	21° 17' 34"	105° 27' 05"	F-48-68-A-c
Quốc lộ 2C	KX	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc			21° 09' 53"	105° 29' 02"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	F-48-68-A-c
Sông Phan	TV	xã Đồng Văn	H. Yên Lạc			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-c
thôn Cẩm La 1	DC	xã Hồng Châu	H. Yên Lạc	21° 11' 00"	105° 34' 37"					F-48-68-C-a
thôn Cẩm La 2	DC	xã Hồng Châu	H. Yên Lạc	21° 11' 09"	105° 34' 48"					F-48-68-C-a
thôn Hạ Kim Lân	DC	xã Hồng Châu	H. Yên Lạc	21° 10' 40"	105° 34' 46"					F-48-68-C-a
thôn Ngọc Đường	DC	xã Hồng Châu	H. Yên Lạc	21° 10' 50"	105° 34' 21"					F-48-68-C-a
thôn Ngọc Long 1	DC	xã Hồng Châu	H. Yên Lạc	21° 11' 01"	105° 35' 26"					F-48-68-C-a
thôn Ngọc Long 2	DC	xã Hồng Châu	H. Yên Lạc	21° 11' 04"	105° 35' 37"					F-48-68-C-a
thôn Ngọc Long 3	DC	xã Hồng Châu	H. Yên Lạc	21° 11' 08"	105° 35' 28"					F-48-68-C-a
thôn Thượng Kim Lân	DC	xã Hồng Châu	H. Yên Lạc	21° 10' 29"	105° 34' 25"					F-48-68-C-a
thôn Trung Kim Lân	DC	xã Hồng Châu	H. Yên Lạc	21° 10' 36"	105° 34' 35"					F-48-68-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hồng	TV	xã Hồng Châu	H. Yên Lạc			21° 15' 57"	105° 26' 33"	21° 10' 18"	105° 37' 29"	F-48-68-C-a
thôn Phú Phong	DC	xã Hồng Phương	H. Yên Lạc	21° 11' 24"	105° 35' 17"					F-48-68-C-a
thôn Phương Nha 1	DC	xã Hồng Phương	H. Yên Lạc	21° 11' 30"	105° 35' 47"					F-48-68-C-a
thôn Phương Nha 2	DC	xã Hồng Phương	H. Yên Lạc	21° 11' 36"	105° 35' 51"					F-48-68-C-a
thôn Trung Nha	DC	xã Hồng Phương	H. Yên Lạc	21° 11' 47"	105° 35' 28"					F-48-68-C-a
thôn Nhật Chiêu 1	DC	xã Liên Châu	H. Yên Lạc	21° 10' 42"	105° 33' 32"					F-48-68-C-a
thôn Nhật Chiêu 2	DC	xã Liên Châu	H. Yên Lạc	21° 10' 39"	105° 33' 45"					F-48-68-C-a
thôn Nhật Chiêu 3	DC	xã Liên Châu	H. Yên Lạc	21° 10' 41"	105° 34' 00"					F-48-68-C-a
thôn Nhật Chiêu 4	DC	xã Liên Châu	H. Yên Lạc	21° 10' 45"	105° 34' 11"					F-48-68-C-a
thôn Nhật Chiêu 5	DC	xã Liên Châu	H. Yên Lạc	21° 10' 21"	105° 34' 06"					F-48-68-C-a
thôn Nhật Chiêu 6	DC	xã Liên Châu	H. Yên Lạc	21° 10' 10"	105° 33' 42"					F-48-68-C-a
thôn Nhật Chiêu 7	DC	xã Liên Châu	H. Yên Lạc	21° 10' 14"	105° 33' 22"					F-48-68-C-a
thôn Nhật Tiến 1	DC	xã Liên Châu	H. Yên Lạc	21° 11' 23"	105° 33' 37"					F-48-68-C-a
thôn Nhật Tiến 2	DC	xã Liên Châu	H. Yên Lạc	21° 11' 29"	105° 33' 46"					F-48-68-C-a
thôn Nhật Tiến 3	DC	xã Liên Châu	H. Yên Lạc	21° 11' 19"	105° 33' 49"					F-48-68-C-a
thôn Thụ Ích 1	DC	xã Liên Châu	H. Yên Lạc	21° 11' 43"	105° 34' 38"					F-48-68-C-a
thôn Thụ Ích 2	DC	xã Liên Châu	H. Yên Lạc	21° 11' 31"	105° 34' 25"					F-48-68-C-a
thôn Thụ Ích 3	DC	xã Liên Châu	H. Yên Lạc	21° 11' 17"	105° 34' 36"					F-48-68-C-a
thôn Thụ Ích 4	DC	xã Liên Châu	H. Yên Lạc	21° 11' 10"	105° 34' 28"					F-48-68-C-a
Sông Hồng	TV	xã Liên Châu	H. Yên Lạc			21° 15' 57"	105° 26' 33"	21° 10' 18"	105° 37' 29"	F-48-68-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bầu Nghinh Tiên	DC	xã Nguyệt Đức	H. Yên Lạc	21° 11' 56"	105° 36' 13"					F-48-68-C-a
thôn Cả Đinh Xá	DC	xã Nguyệt Đức	H. Yên Lạc	21° 13' 13"	105° 36' 17"					F-48-68-C-a
thôn Cuối Đinh Xá	DC	xã Nguyệt Đức	H. Yên Lạc	21° 13' 01"	105° 36' 21"					F-48-68-C-a
thôn Đình Đinh Xá	DC	xã Nguyệt Đức	H. Yên Lạc	21° 13' 06"	105° 36' 13"					F-48-68-C-a
thôn Đồng Đinh Xá	DC	xã Nguyệt Đức	H. Yên Lạc	21° 13' 07"	105° 36' 22"					F-48-68-C-a
thôn Gia Phúc	DC	xã Nguyệt Đức	H. Yên Lạc	21° 12' 53"	105° 36' 47"					F-48-68-C-a
thôn Hội Trung Nghinh Tiên	DC	xã Nguyệt Đức	H. Yên Lạc	21° 12' 11"	105° 36' 42"					F-48-68-C-a
thôn Mới Đinh Xá	DC	xã Nguyệt Đức	H. Yên Lạc	21° 13' 32"	105° 36' 21"					F-48-68-C-a
thôn Phố Lồ	DC	xã Nguyệt Đức	H. Yên Lạc	21° 12' 31"	105° 36' 42"					F-48-68-C-a
thôn Trại Nghinh Tiên	DC	xã Nguyệt Đức	H. Yên Lạc	21° 11' 54"	105° 36' 39"					F-48-68-C-a
thôn Văn Chỉ Đinh Xá	DC	xã Nguyệt Đức	H. Yên Lạc	21° 13' 21"	105° 36' 19"					F-48-68-C-a
thôn Xuân Đài	DC	xã Nguyệt Đức	H. Yên Lạc	21° 12' 47"	105° 37' 00"					F-48-68-C-a
Công ty cổ phần Tơ tằm Hà Nội	KX	xã Nguyệt Đức	H. Yên Lạc	21° 13' 27"	105° 36' 25"					F-48-68-C-a
Đường tỉnh 303	KX	xã Nguyệt Đức	H. Yên Lạc			21° 15' 45"	105° 39' 11"	21° 15' 32"	105° 32' 25"	F-48-68-C-a
sông Cà Lồ Cụt	TV	xã Nguyệt Đức	H. Yên Lạc			21° 12' 32"	105° 36' 49"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-C-a F-48-68-C-b
sông Mai Khê	TV	xã Nguyệt Đức	H. Yên Lạc			21° 11' 09"	105° 37' 38"	21° 12' 24"	105° 36' 41"	F-48-68-C-a F-48-68-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bàng Mới Man Để	DC	xã Tam Hồng	H. Yên Lạc	21° 13' 33"	105° 33' 52"					F-48-68-C-a
thôn Bình Lâm	DC	xã Tam Hồng	H. Yên Lạc	21° 13' 09"	105° 33' 36"					F-48-68-C-a
thôn Đình Chợ Man Để	DC	xã Tam Hồng	H. Yên Lạc	21° 13' 32"	105° 34' 10"					F-48-68-C-a
thôn Đông Nam Man Để	DC	xã Tam Hồng	H. Yên Lạc	21° 13' 34"	105° 34' 00"					F-48-68-C-a
thôn Lâm Xuyên 1	DC	xã Tam Hồng	H. Yên Lạc	21° 13' 07"	105° 33' 59"					F-48-68-C-a
thôn Lâm Xuyên 2	DC	xã Tam Hồng	H. Yên Lạc	21° 12' 58"	105° 34' 08"					F-48-68-C-a
thôn Lâm Xuyên 3	DC	xã Tam Hồng	H. Yên Lạc	21° 12' 56"	105° 34' 19"					F-48-68-C-a
thôn Lũng Thượng	DC	xã Tam Hồng	H. Yên Lạc	21° 13' 41"	105° 34' 20"					F-48-68-C-a
thôn Nho Lâm	DC	xã Tam Hồng	H. Yên Lạc	21° 13' 09"	105° 33' 46"					F-48-68-C-a
thôn Nho Lẻ	DC	xã Tam Hồng	H. Yên Lạc	21° 12' 44"	105° 33' 52"					F-48-68-C-a
thôn Phù Lưu	DC	xã Tam Hồng	H. Yên Lạc	21° 13' 40"	105° 34' 06"					F-48-68-C-a
thôn Tảo Phú	DC	xã Tam Hồng	H. Yên Lạc	21° 13' 16"	105° 33' 55"					F-48-68-C-a
thôn Trại Lớn	DC	xã Tam Hồng	H. Yên Lạc	21° 13' 22"	105° 34' 25"					F-48-68-C-a
chùa Kim Đường	KX	xã Tam Hồng	H. Yên Lạc	21° 14' 00"	105° 33' 47"					F-48-68-C-a
Đền Thính	KX	xã Tam Hồng	H. Yên Lạc	21° 14' 02"	105° 33' 41"					F-48-68-C-a
Đường tỉnh 304	KX	xã Tam Hồng	H. Yên Lạc			21° 16' 46"	105° 28' 59"	21° 14' 16"	105° 34' 13"	F-48-68-C-a
Đường tỉnh 305	KX	xã Tam Hồng	H. Yên Lạc			21° 11' 57"	105° 34' 54"	21° 24' 54"	105° 27' 42"	F-48-68-C-a
Kênh 2	TV	xã Tam Hồng	H. Yên Lạc			21° 19' 31"	105° 32' 30"	21° 13' 37"	105° 33' 50"	F-48-68-A-c
kênh chính Tả Ngạn	TV	xã Tam Hồng	H. Yên Lạc			21° 26' 32"	105° 31' 56"	21° 15' 38"	105° 38' 09"	F-48-68-C-a
thôn Giã Bàng 1	DC	xã Tề Lỗ	H. Yên Lạc	21° 15' 32"	105° 32' 33"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Giã Bàng 2	DC	xã Tề Lỗ	H. Yên Lạc	21° 15' 26"	105° 32' 39"					F-48-68-A-c
thôn Giã Bàng 3	DC	xã Tề Lỗ	H. Yên Lạc	21° 15' 14"	105° 32' 37"					F-48-68-A-c
thôn Nhân Lý	DC	xã Tề Lỗ	H. Yên Lạc	21° 14' 56"	105° 32' 23"					F-48-68-C-a
thôn Nhân Trai	DC	xã Tề Lỗ	H. Yên Lạc	21° 14' 35"	105° 32' 52"					F-48-68-C-a
thôn Phú Thọ	DC	xã Tề Lỗ	H. Yên Lạc	21° 14' 58"	105° 33' 13"					F-48-68-C-a
thôn Trung Hậu	DC	xã Tề Lỗ	H. Yên Lạc	21° 14' 55"	105° 32' 52"					F-48-68-C-a
chùa Hòa Quang	KX	xã Tề Lỗ	H. Yên Lạc	21° 15' 20"	105° 32' 34"					F-48-68-A-c
Đường tỉnh 303	KX	xã Tề Lỗ	H. Yên Lạc			21° 15' 45"	105° 39' 11"	21° 15' 32"	105° 32' 25"	F-48-68-A-c F-48-68-C-a
Quốc lộ 2C	KX	xã Tề Lỗ	H. Yên Lạc			21° 09' 53"	105° 29' 02"	21° 31' 10"	105° 29' 14"	F-48-68-A-c F-48-68-C-a
Sông Phan	TV	xã Tề Lỗ	H. Yên Lạc			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-c F-48-68-C-a
Thôn 1	DC	xã Trung Hà	H. Yên Lạc	21° 11' 09"	105° 37' 26"					F-48-68-C-a
Thôn 2	DC	xã Trung Hà	H. Yên Lạc	21° 10' 55"	105° 37' 18"					F-48-68-C-a
Thôn 3	DC	xã Trung Hà	H. Yên Lạc	21° 10' 59"	105° 37' 09"					F-48-68-C-a
Thôn 4	DC	xã Trung Hà	H. Yên Lạc	21° 11' 00"	105° 36' 42"					F-48-68-C-a
Thôn 5	DC	xã Trung Hà	H. Yên Lạc	21° 10' 56"	105° 36' 32"					F-48-68-C-a
Thôn 6	DC	xã Trung Hà	H. Yên Lạc	21° 11' 01"	105° 36' 20"					F-48-68-C-a
Thôn 7	DC	xã Trung Hà	H. Yên Lạc	21° 10' 52"	105° 36' 18"					F-48-68-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 8	DC	xã Trung Hà	H. Yên Lạc	21° 10' 59"	105° 36' 07"					F-48-68-C-a
Thôn 9	DC	xã Trung Hà	H. Yên Lạc	21° 10' 59"	105° 35' 59"					F-48-68-C-a
Thôn 10	DC	xã Trung Hà	H. Yên Lạc	21° 10' 47"	105° 35' 55"					F-48-68-C-a
Sông Hồng	TV	xã Trung Hà	H. Yên Lạc			21° 15' 57"	105° 26' 33"	21° 10' 18"	105° 37' 29"	F-48-68-C-a
sông Mai Khê	TV	xã Trung Hà	H. Yên Lạc			21° 11' 09"	105° 37' 38"	21° 12' 24"	105° 36' 41"	F-48-68-C-a F-48-68-C-b
thôn Gềnh Đá	DC	xã Trung Kiên	H. Yên Lạc	21° 11' 06"	105° 37' 00"					F-48-68-C-a
thôn Lưỡng 1	DC	xã Trung Kiên	H. Yên Lạc	21° 11' 19"	105° 36' 44"					F-48-68-C-a
thôn Lưỡng 2	DC	xã Trung Kiên	H. Yên Lạc	21° 11' 06"	105° 35' 50"					F-48-68-C-a
thôn Mai Yên	DC	xã Trung Kiên	H. Yên Lạc	21° 11' 46"	105° 37' 00"					F-48-68-C-a
thôn Miêu Cốc	DC	xã Trung Kiên	H. Yên Lạc	21° 11' 25"	105° 36' 35"					F-48-68-C-a
thôn Phần Xa	DC	xã Trung Kiên	H. Yên Lạc	21° 11' 32"	105° 37' 11"					F-48-68-C-a
thôn Trung Giang	DC	xã Trung Kiên	H. Yên Lạc	21° 10' 26"	105° 35' 40"					F-48-68-C-a
thôn Xóm Chùa	DC	xã Trung Kiên	H. Yên Lạc	21° 11' 21"	105° 37' 20"					F-48-68-C-a
thôn Yên Dương	DC	xã Trung Kiên	H. Yên Lạc	21° 11' 00"	105° 35' 09"					F-48-68-C-a
sông Mai Khê	TV	xã Trung Kiên	H. Yên Lạc			21° 11' 09"	105° 37' 38"	21° 12' 24"	105° 36' 41"	F-48-68-C-a
thôn Đông Lỗ 1	DC	xã Trung Nguyên	H. Yên Lạc	21° 15' 48"	105° 33' 31"					F-48-68-A-c
thôn Đông Lỗ 2	DC	xã Trung Nguyên	H. Yên Lạc	21° 15' 38"	105° 33' 46"					F-48-68-A-c
thôn Hoàng Thạch	DC	xã Trung Nguyên	H. Yên Lạc	21° 16' 14"	105° 33' 50"					F-48-68-A-c
thôn Lạc Trung	DC	xã Trung Nguyên	H. Yên Lạc	21° 15' 13"	105° 33' 45"					F-48-68-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lỗ Quynh	DC	xã Trung Nguyên	H. Yên Lạc	21° 14' 53"	105° 33' 36"					F-48-68-C-a
thôn Tân Nguyên	DC	xã Trung Nguyên	H. Yên Lạc	21° 16' 22"	105° 33' 29"					F-48-68-A-c
thôn Thiệu Tổ	DC	xã Trung Nguyên	H. Yên Lạc	21° 15' 05"	105° 34' 12"					F-48-68-A-c
thôn Trung Nguyên	DC	xã Trung Nguyên	H. Yên Lạc	21° 15' 25"	105° 33' 29"					F-48-68-A-c
thôn Xuân Chiếm	DC	xã Trung Nguyên	H. Yên Lạc	21° 14' 46"	105° 33' 55"					F-48-68-C-a
chùa Thiệu Tổ	KX	xã Trung Nguyên	H. Yên Lạc	21° 15' 02"	105° 34' 07"					F-48-68-A-c
Đền Tranh	KX	xã Trung Nguyên	H. Yên Lạc	21° 16' 25"	105° 33' 36"					F-48-68-A-c
Đường tỉnh 303	KX	xã Trung Nguyên	H. Yên Lạc			21° 15' 45"	105° 39' 11"	21° 15' 32"	105° 32' 25"	F-48-68-A-c F-48-68-C-a
Đường tỉnh 305	KX	xã Trung Nguyên	H. Yên Lạc			21° 11' 57"	105° 34' 54"	21° 24' 54"	105° 27' 42"	F-48-68-C-a
Sông Phan	TV	xã Trung Nguyên	H. Yên Lạc			21° 24' 57"	105° 32' 51"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-A-c
thôn Đống Cao	DC	xã Văn Tiến	H. Yên Lạc	21° 13' 30"	105° 37' 12"					F-48-68-C-a
thôn Phúc Cẩm	DC	xã Văn Tiến	H. Yên Lạc	21° 13' 07"	105° 37' 23"					F-48-68-C-a
thôn Tiên Đài	DC	xã Văn Tiến	H. Yên Lạc	21° 12' 37"	105° 37' 56"					F-48-68-C-b
thôn Yên Nội	DC	xã Văn Tiến	H. Yên Lạc	21° 13' 13"	105° 37' 06"					F-48-68-C-a
đình Yên Nội	KX	xã Văn Tiến	H. Yên Lạc	21° 13' 18"	105° 37' 07"					F-48-68-C-a
sông Cà Lồ Cụt	TV	xã Văn Tiến	H. Yên Lạc			21° 12' 32"	105° 36' 49"	21° 15' 29"	105° 41' 06"	F-48-68-C-a F-48-68-C-b
Thôn Chùa	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Lạc	21° 12' 09"	105° 33' 05"					F-48-68-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Đình	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Lạc	21° 12' 29"	105° 32' 56"					F-48-68-C-a
thôn Đông Mẫu	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Lạc	21° 13' 57"	105° 33' 03"					F-48-68-C-a
Thôn Gia	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Lạc	21° 12' 20"	105° 33' 05"					F-48-68-C-a
Thôn Miễu	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Lạc	21° 13' 39"	105° 32' 35"					F-48-68-C-a
Thôn Mới	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Lạc	21° 12' 18"	105° 32' 42"					F-48-68-C-a
thôn Yên Nghiệp	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Lạc	21° 12' 47"	105° 32' 48"					F-48-68-C-a
thôn Yên Tâm	DC	xã Yên Đồng	H. Yên Lạc	21° 13' 05"	105° 32' 49"					F-48-68-C-a
Đường tỉnh 304	KX	xã Yên Đồng	H. Yên Lạc			21° 16' 46"	105° 28' 59"	21° 14' 16"	105° 34' 13"	F-48-68-C-a
kênh chính Tả Ngạn	TV	xã Yên Đồng	H. Yên Lạc			21° 26' 32"	105° 31' 56"	21° 15' 38"	105° 38' 09"	F-48-68-C-a
thôn Dân Trù 1	DC	xã Yên Phương	H. Yên Lạc	21° 12' 21"	105° 35' 11"					F-48-68-C-a
thôn Dân Trù 2	DC	xã Yên Phương	H. Yên Lạc	21° 12' 15"	105° 35' 14"					F-48-68-C-a
thôn Lũng Hạ 1	DC	xã Yên Phương	H. Yên Lạc	21° 12' 13"	105° 34' 56"					F-48-68-C-a
thôn Lũng Hạ 2	DC	xã Yên Phương	H. Yên Lạc	21° 12' 10"	105° 34' 49"					F-48-68-C-a
thôn Lũng Hạ 3	DC	xã Yên Phương	H. Yên Lạc	21° 12' 04"	105° 34' 55"					F-48-68-C-a
thôn Phương Trù 1	DC	xã Yên Phương	H. Yên Lạc	21° 12' 32"	105° 35' 17"					F-48-68-C-a
thôn Phương Trù 2	DC	xã Yên Phương	H. Yên Lạc	21° 12' 25"	105° 35' 10"					F-48-68-C-a
thôn Yên Thư 1	DC	xã Yên Phương	H. Yên Lạc	21° 12' 18"	105° 35' 23"					F-48-68-C-a
thôn Yên Thư 2	DC	xã Yên Phương	H. Yên Lạc	21° 12' 17"	105° 35' 35"					F-48-68-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Yên Thư 3	DC	xã Yên Phương	H. Yên Lạc	21° 12' 18"	105° 35' 48"					F-48-68-C-a
cầu Lũng Hạ	KX	xã Yên Phương	H. Yên Lạc	21° 12' 28"	105° 34' 37"					F-48-68-C-a
Đường tỉnh 305	KX	xã Yên Phương	H. Yên Lạc			21° 11' 57"	105° 34' 54"	21° 24' 54"	105° 27' 42"	F-48-68-C-a
nhà thờ họ giáo Dân Trù	KX	xã Yên Phương	H. Yên Lạc	21° 12' 15"	105° 35' 18"					F-48-68-C-a
nhà thờ họ giáo Phương Trù	KX	xã Yên Phương	H. Yên Lạc	21° 12' 25"	105° 35' 16"					F-48-68-C-a
kênh chính Tả Ngạn	TV	xã Yên Phương	H. Yên Lạc			21° 26' 32"	105° 31' 56"	21° 15' 38"	105° 38' 09"	F-48-68-C-a

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa